ISPAE

Số tháng 9/2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

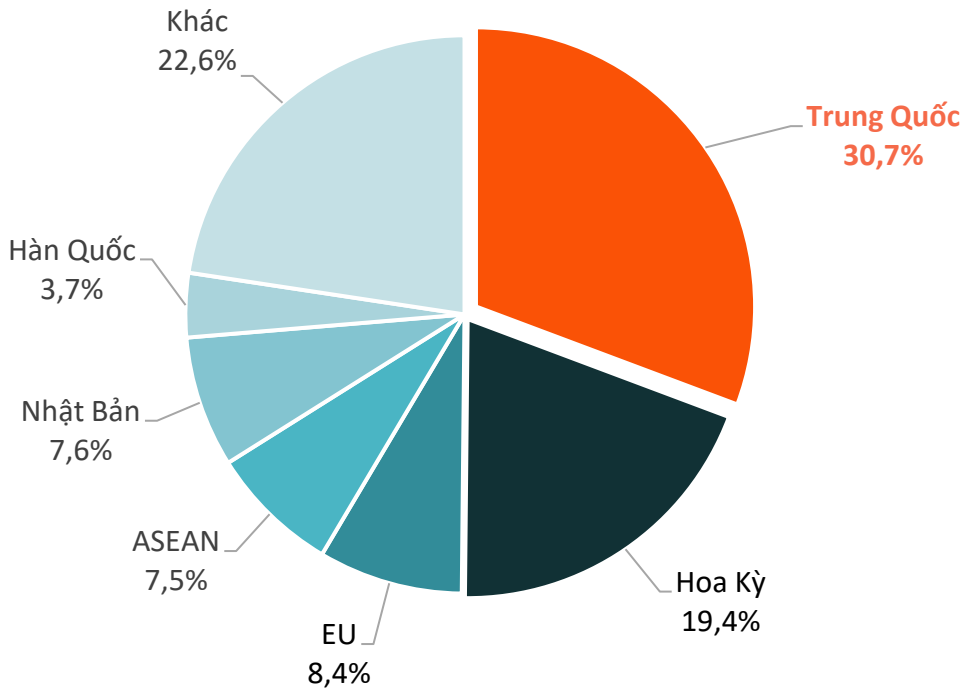
THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC



Thực hiện: AGROINFOS

TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC THÁNG 8/2026

Tỷ trọng xuất khẩu NLTS sang thị trường Trung Quốc , T8/2026



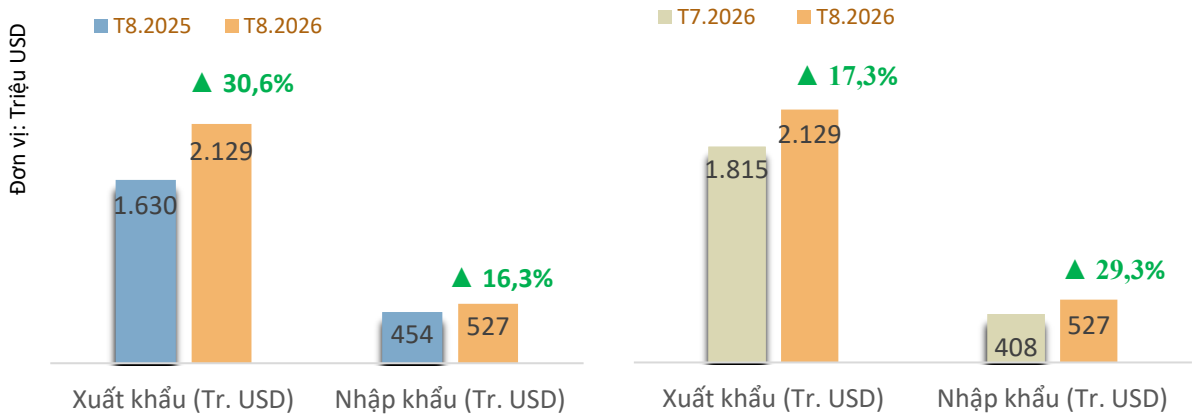
Biến động tỷ trọng xuất khẩu NLTS sang thị trường Trung Quốc T8/2026 so với T7/2026 và T8/2025

Thị trường	Giá trị (triệu USD)	So với T7/2026	So với T8/2025
Trung Quốc	**2.129**	▲ 3,6%	▲ 4,6%
Hoa Kỳ	1.349	▼ 0,5%	▲ 0,2%
EU	581	▼ 0,4%	▲ 0,03%
ASEAN	523	▲ 0,6%	▼ 1,5%
Nhật Bản	527	▲ 1,3%	▲ 0,4%
Hàn Quốc	258	▲ 0,7%	▲ 0,6%
Tổng XK	**6.934**		

Nguồn: Cục Chuyển đổi số

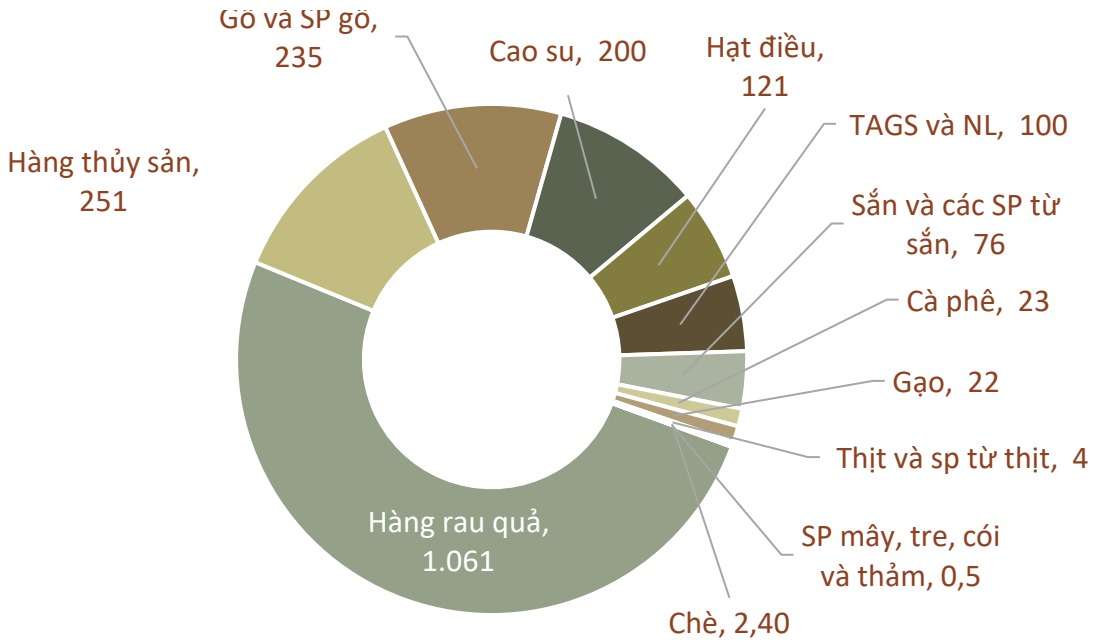
TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC THÁNG 8/2026

Kim ngạch xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam – Trung Quốc, T8/2026



Nguồn: Cục Chuyển đổi số

Kim ngạch XK NLTS chính sang thị trường Trung Quốc, T8/2026

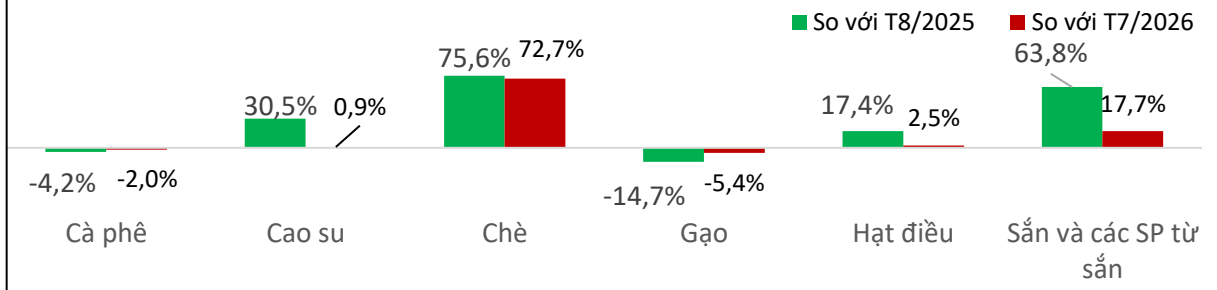


Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

Biến động giá trị XK NLTS chính sang thị trường Trung Quốc T8/2026 so với T7/2026



Biến động giá XK bình quân của một số sản phẩm NLTS chính sang thị trường Trung Quốc, T8/2026 so với T8/2025 và T7/2026



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

TIN NỔI BẬT

Tình hình sản xuất và cung cầu nông sản Trung Quốc tháng 9/2026

Theo Báo cáo ước tính cung – cầu nông sản Trung Quốc (CASDE) tháng 9/2026 của Bộ Nông nghiệp và Nông thôn Trung Quốc, triển vọng sản xuất một số nông sản chủ lực niên vụ 2026/27 ổn định. Sản lượng ngô đạt 30,6 triệu tấn, đậu tương 20,95 triệu tấn và bông 6,48 triệu tấn. Tuy nhiên, sản xuất đường chịu tác động của thời tiết bất lợi tại một số vùng trồng mía, trong khi nguồn cung đường thế giới có xu hướng giảm.

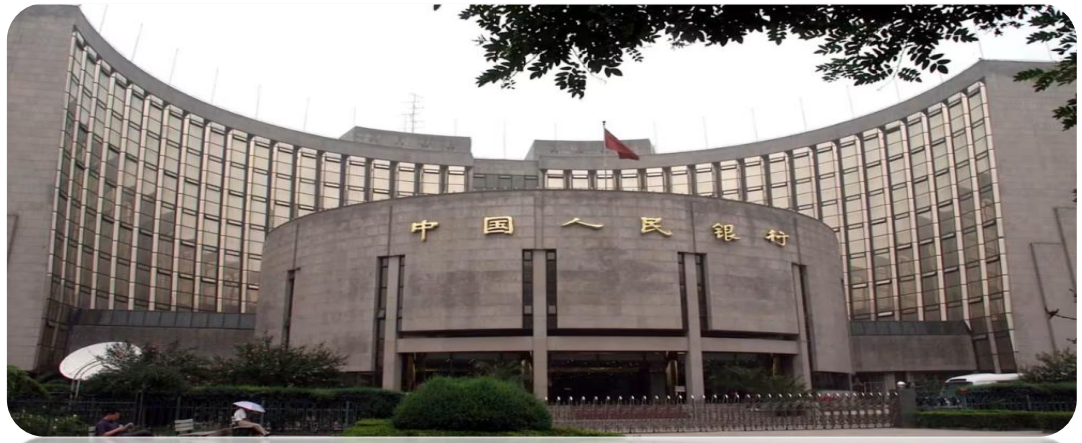
Trung Quốc vẫn phụ thuộc lớn vào nhập khẩu đối với một số nông sản, đặc biệt là đậu tương. CASDE dự báo nhập khẩu đậu tương và ngô niên vụ 2026/27 ở mức cao, tương đương khoảng 95,5 triệu tấn và 6 triệu tấn. Ngô và đậu tương nhập khẩu chủ yếu để sản xuất thức ăn chăn nuôi.

Nguồn: Scs.moa.gov.cn

Trung Quốc đóng cửa hàng trăm ngân hàng để củng cố hệ thống tài chính

Trung Quốc đang đẩy mạnh tái cơ cấu hệ thống ngân hàng địa phương trong bối cảnh nhu cầu tín dụng suy yếu, lãi suất thấp và thị trường bất động sản khó khăn. Năm 2025, có hơn 670 trường hợp đóng cửa các thực thể ngân hàng (chủ yếu ở nông thôn), khiến số lượng các thực thể ngân hàng ở Trung Quốc giảm xuống còn 3.139, giảm 23% trong giai đoạn 4 năm tính đến năm 2025.

Quá trình hợp nhất ngân hàng nông thôn tại Trung Quốc đang loại bỏ các tổ chức yếu kém và giảm rủi ro thanh khoản. Tại Nội Mông, số ngân hàng giảm từ hơn 100 xuống còn 12 sau đợt hợp nhất. Trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế có dấu hiệu chậm lại, giới quan sát tiếp tục theo dõi khả năng nới lỏng lãi suất, trong khi toàn hệ thống ngân hàng Trung Quốc vẫn chịu áp lực từ lãi suất thấp.



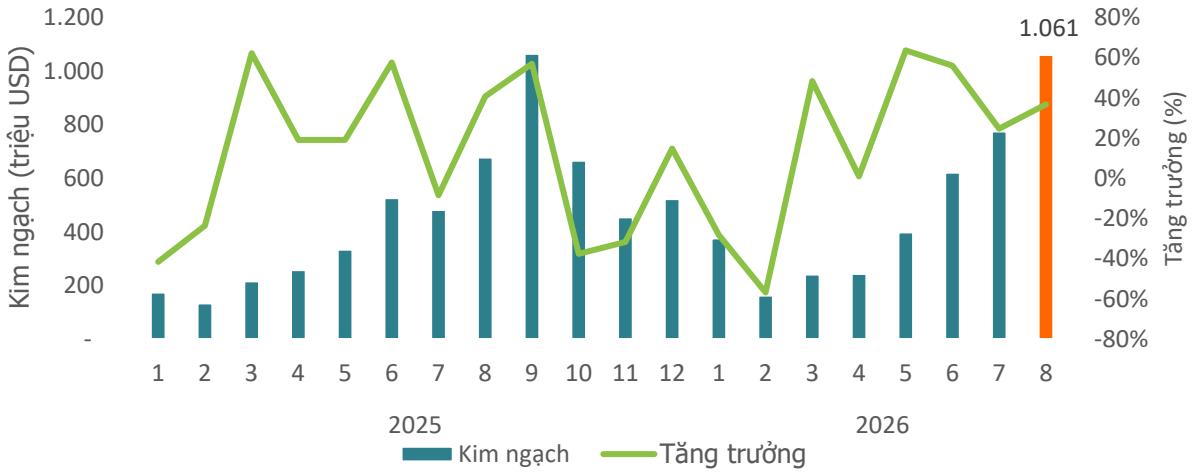
Nguồn: Vneconomy.vn

Tin liên quan



RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

Giá trị rau quả xuất khẩu sang Trung Quốc, T8/2026



Kết quả xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc, T8/2026

KIM NGẠCH

1,06 *tỷ USD*

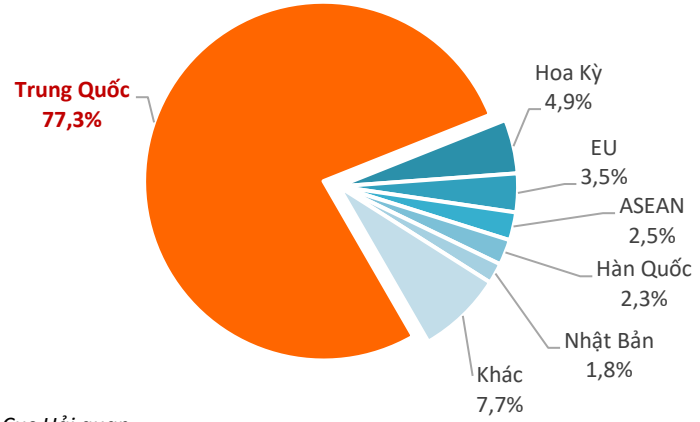
Tăng **36,9%** so với T7/2026

Tăng **56,4%** so với T8/2025

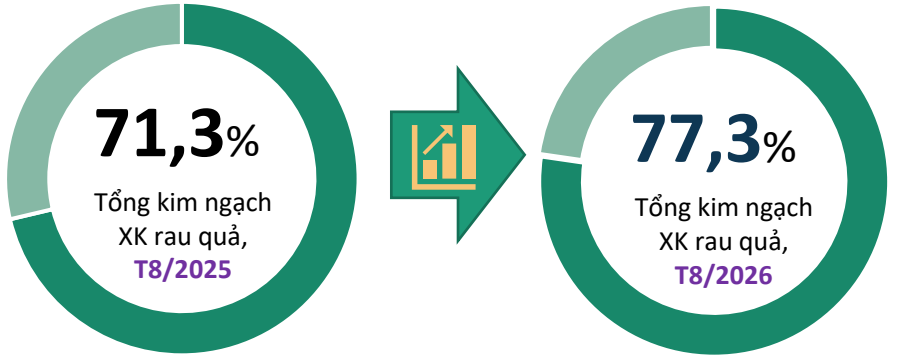
Cao hơn **602,4 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

Lũy kế 8 tháng năm 2026 đạt **3,9** tỷ USD, đạt **70,4%** kim ngạch 2025

Tỷ trọng giá trị rau quả Việt Nam XK sang Trung Quốc, T8/2026



Biến động tỷ trọng giá trị rau quả VN sang Trung Quốc, T8/2026

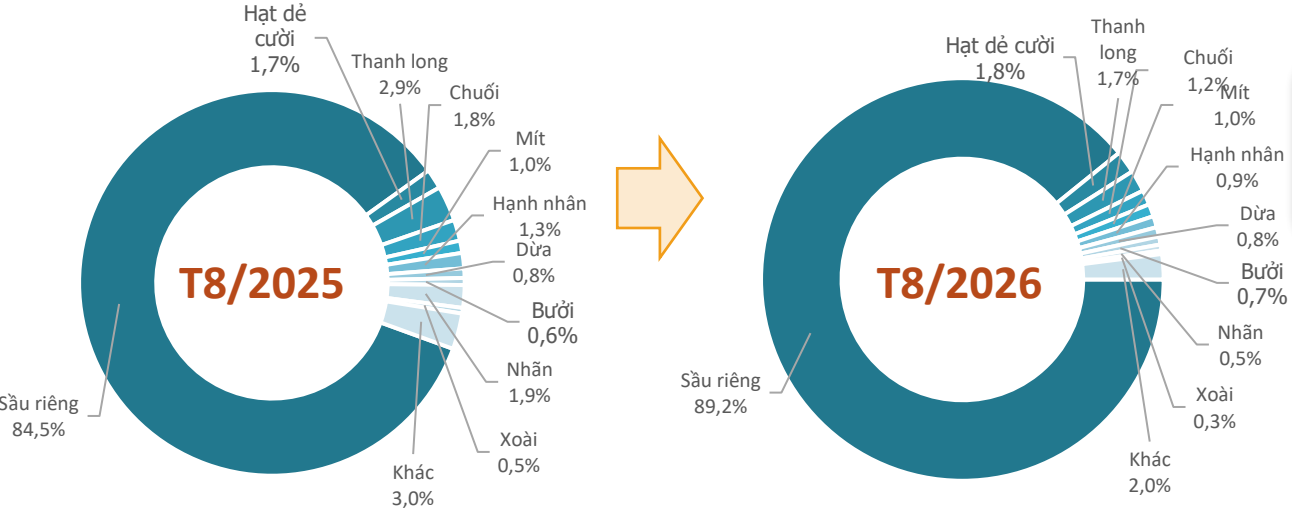


Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan



RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

Cơ cấu chủng loại rau quả XK sang Trung Quốc, T8/2026



Kết quả xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc, T8/2026



Sầu riêng

Kim ngạch: **964,2** triệu USD

Tăng **42,4%** so với T7/2026

Tăng **65,0%** so với T8/2025



Hạt dẻ cười

Kim ngạch: **19,1** triệu USD

Tăng **28,3%** so với T7/2026

Tăng **68,3%** so với T8/2025



Thanh long

Kim ngạch: **18,5** triệu USD

Tăng **17,2%** so với T7/2026

Giảm **7,6%** so với T8/2025



Chuối

Kim ngạch: **12,6** triệu USD

Giảm **17,1%** so với T7/2026

Tăng **5,0%** so với T8/2025



Mít

Kim ngạch: **10,6** triệu USD

Tăng **8,6%** so với T7/2026

Tăng **51,1%** so với T8/2025



Hạnh nhân

Kim ngạch: **9,6** triệu USD

Giảm **12,5%** so với T7/2026

Tăng **10,1%** so với T8/2025



Dừa

Kim ngạch: **8,0** triệu USD

Giảm **31,5%** so với T7/2026

Tăng **48,1%** so với T8/2025



Bưởi

Kim ngạch: **6,9** triệu USD

Tăng **19,9%** so với T7/2026

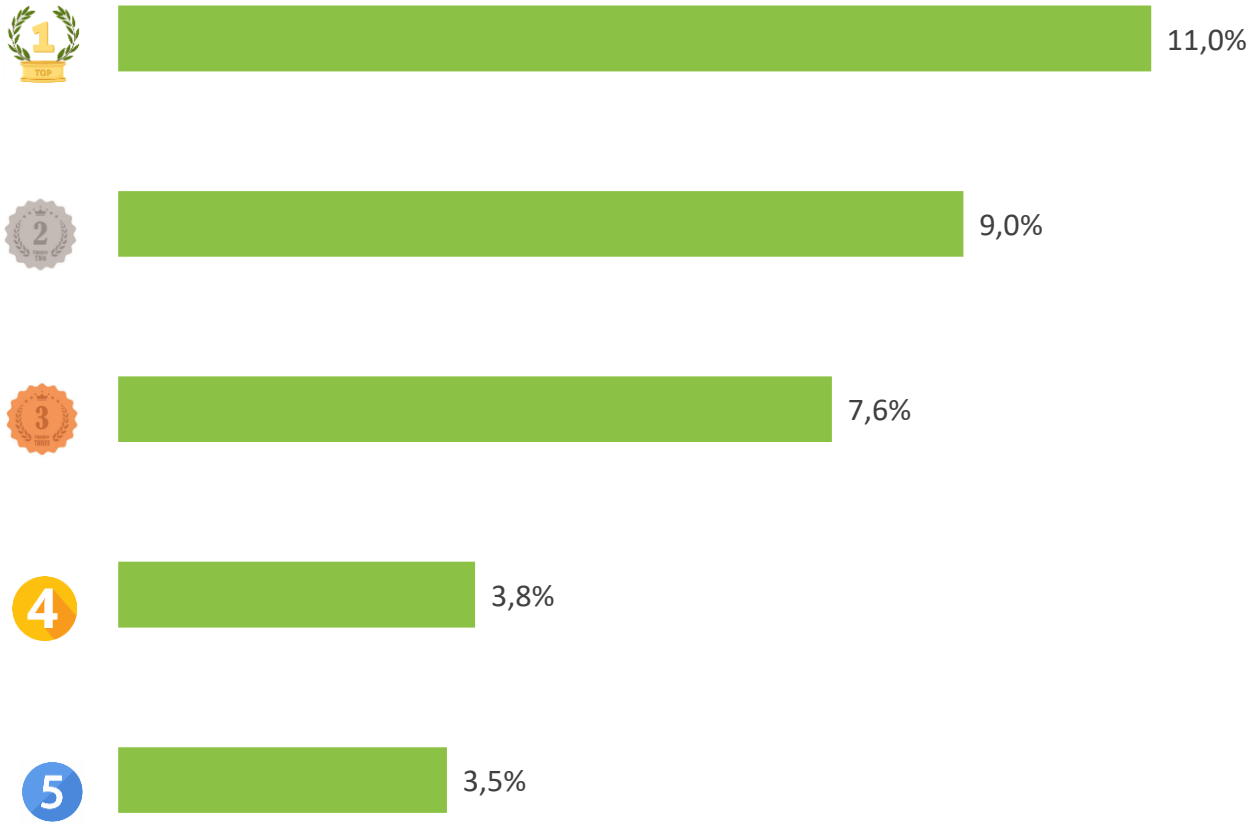
Tăng **72,0%** so với T8/2025

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

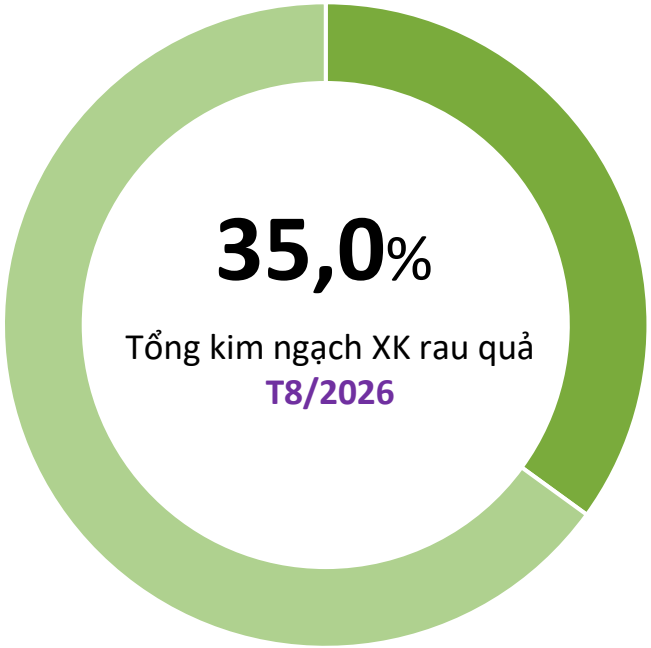


RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu sang Trung Quốc, T8/2026



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang Trung Quốc, T8/2026

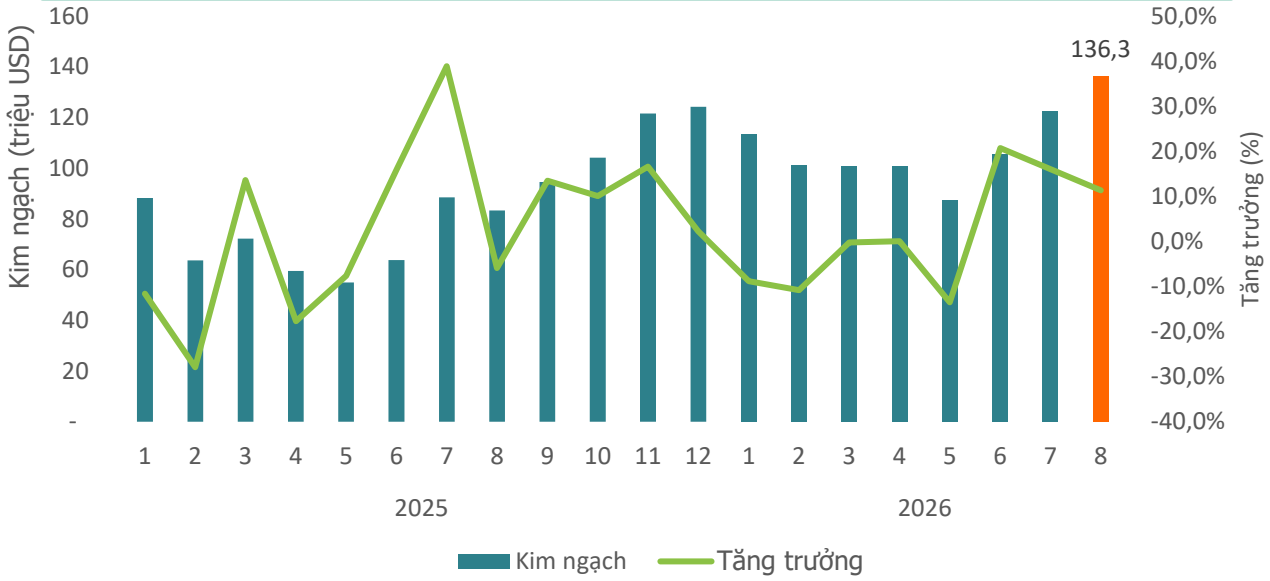


Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan



RAU QUẢ (NHẬP KHẨU)

Giá trị rau quả NK từ Trung Quốc, T8/2026



Kết quả nhập khẩu rau quả từ Trung Quốc, T8/2026

KIM NGẠCH

136,3

triệu USD

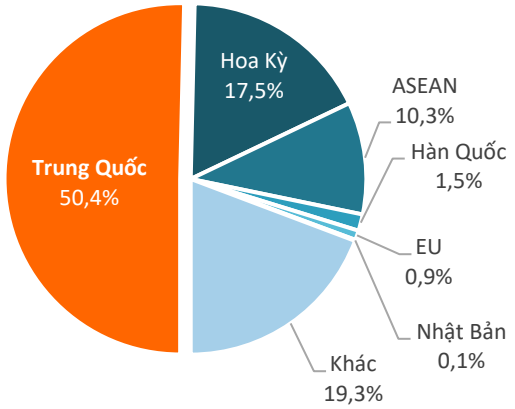
Tăng **11,4%** so với T7/2026

Tăng **63,6%** so với T8/2025

Cao hơn **51,4 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

Lũy kế 8 tháng năm 2026 đạt **867,2** triệu USD, đạt **85,1%** kim ngạch 2025

Tỷ trọng giá trị rau quả NK từ Trung Quốc, T8/2026



Biến động tỷ trọng giá trị rau quả NK từ Trung Quốc, T8/2026

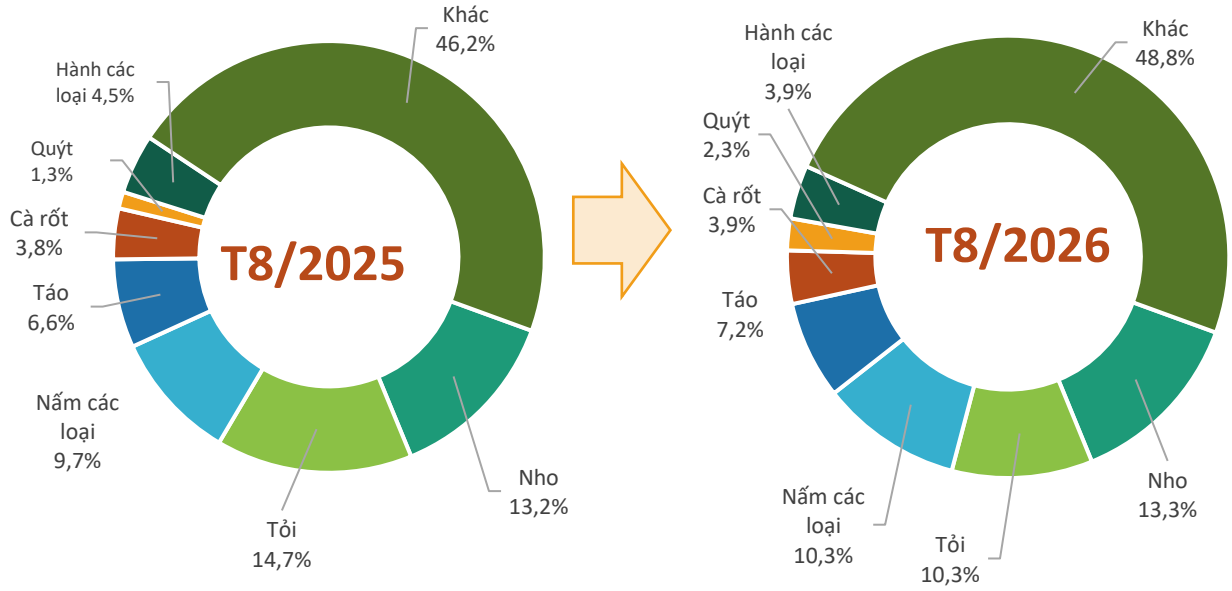


Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan



RAU QUẢ (NHẬP KHẨU)

Cơ cấu chủng loại rau quả nhập khẩu từ Trung Quốc, T8/2026



Kết quả nhập khẩu rau quả từ Trung Quốc, T8/2026



Nho

Kim ngạch: **18,1** triệu USD

Tăng **36,9%** so với T7/2026

Tăng **64,1%** so với T8/2025



Tỏi

Kim ngạch: **14,0** triệu USD

Tăng **19,0%** so với T7/2026

Tăng **14,3%** so với T8/2025



Nấm các loại

Kim ngạch: **14,0** triệu USD

Tăng **29,0%** so với T7/2026

Tăng **74,5%** so với T8/2025



Táo

Kim ngạch: **9,7** triệu USD

Tăng **64,5%** so với T7/2026

Tăng **76,2%** so với T8/2025



Cà rốt

Kim ngạch: **5,3** triệu USD

Giảm **7,4%** so với T7/2026

Tăng **67,5%** so với T8/2025



Hành các loại

Kim ngạch: **5,3** triệu USD

Tăng **6,5%** so với T7/2026

Tăng **43,9%** so với T8/2025



Quýt

Kim ngạch: **3,2** triệu USD

Giảm **42,7%** so với T7/2026

Tăng **204,3%** so với T8/2025

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ TRUNG QUỐC



Tin liên quan

Trung Quốc tăng nhập khẩu sầu riêng, Việt Nam giữ vị trí nguồn cung lớn thứ hai

Trong 8 tháng đầu năm 2026, Trung Quốc nhập khẩu gần 1,8 triệu tấn sầu riêng, trị giá 7,2 tỷ USD, tăng 44,2% về lượng và 39,9% về giá trị so với cùng kỳ năm trước. Thái Lan tiếp tục là nguồn cung lớn nhất với kim ngạch 5 tỷ USD, tăng 33,5%, chiếm 69,4% thị phần; Việt Nam đứng thứ hai, đạt 2,1 tỷ USD, tăng 52,5%, chiếm 29,4% thị phần. Hai nước chiếm tới 98,9% tổng kim ngạch nhập khẩu sầu riêng của Trung Quốc. Các nguồn cung Malaysia, Campuchia và Philippines tăng trưởng nhanh, lần lượt tăng 348,9%, 35.110% và 967,1%, dù thị phần còn nhỏ.

Giá nhập khẩu bình quân giảm tại hầu hết các nguồn cung, trong đó Việt Nam giảm gần 6%, Thái Lan giảm khoảng 1%, Malaysia và Philippines giảm mạnh hơn; Campuchia tăng 8,5%. Nhu cầu tiếp tục tăng nhưng cạnh tranh nguồn cung và giá giảm đang tạo áp lực nâng cao chất lượng, kiểm soát chi phí và phát triển sản phẩm có giá trị gia tăng.

Nguồn: Vietnambiz.vn

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ TRUNG QUỐC



Tin liên quan

Kênh đào Bình Lục thông tuyến, mở thêm cơ hội giao thương giữa Trung Quốc và ASEAN

Kênh đào Bình Lục chính thức thông tuyến ngày 16/9/2026, nối khu vực gần Nam Ninh, Quảng Tây với vịnh Bắc Bộ qua cảng Khâm Châu. Công trình dài 134,2 km, có tổng vốn đầu tư khoảng 72,7 tỷ nhân dân tệ (khoảng 10,4 tỷ USD) và có thể tiếp nhận tàu trọng tải 5.000 tấn. Tuyến kênh giúp rút ngắn hơn 560 km hành trình đường thủy từ Tây Nam Trung Quốc ra biển, dự kiến tiết kiệm hơn 5 tỷ nhân dân tệ (750 triệu USD) chi phí vận chuyển mỗi năm.

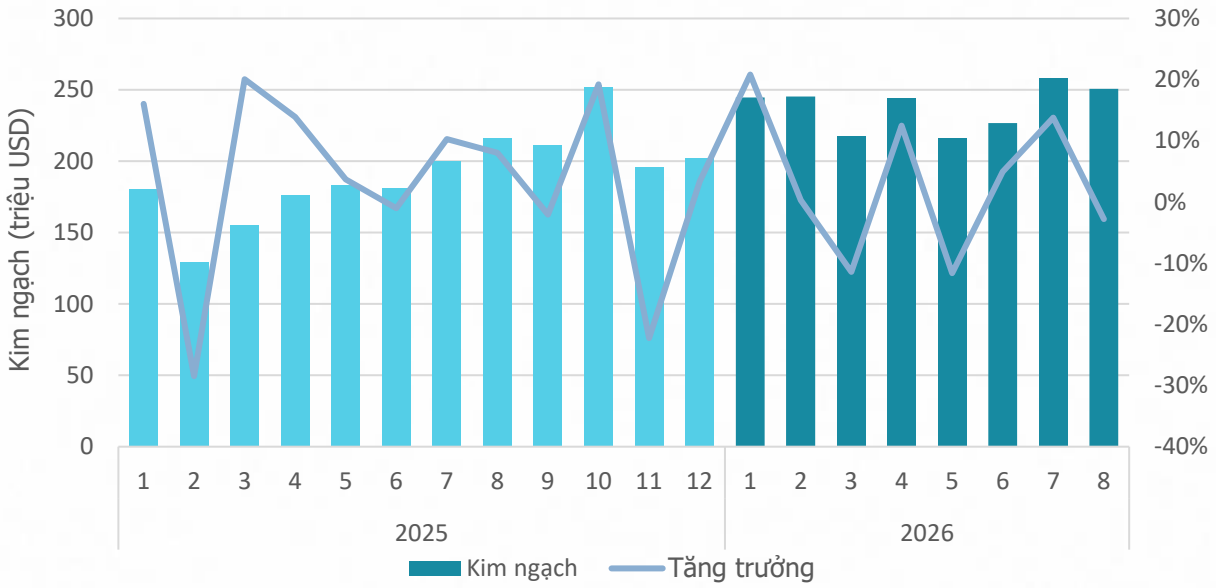
Tuyến vận tải đường sông kết hợp đường biển kết nối Lào và Việt Nam với thành phố Quý Cảng qua kênh đào cũng đã đi vào hoạt động, mở thêm cơ hội giao thương giữa Trung Quốc và ASEAN.

Nguồn: Vov.vn



THỦY SẢN

Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc, T8/2026



Kết quả xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc ,T8/2026

KIM NGẠCH

250,6 *triệu USD*

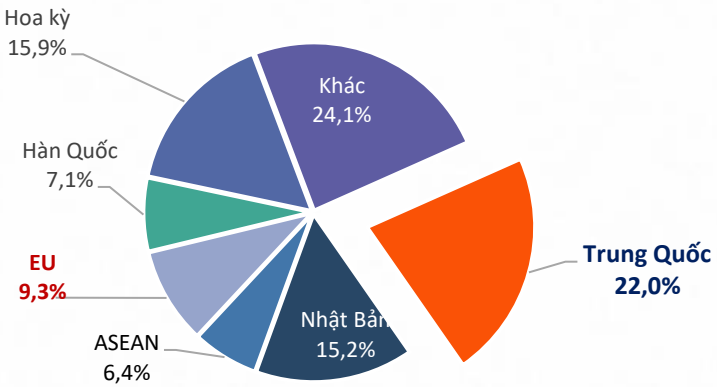
Giảm **2,8%** so với T7/2026

Tăng **16,1%** so với T8/2025

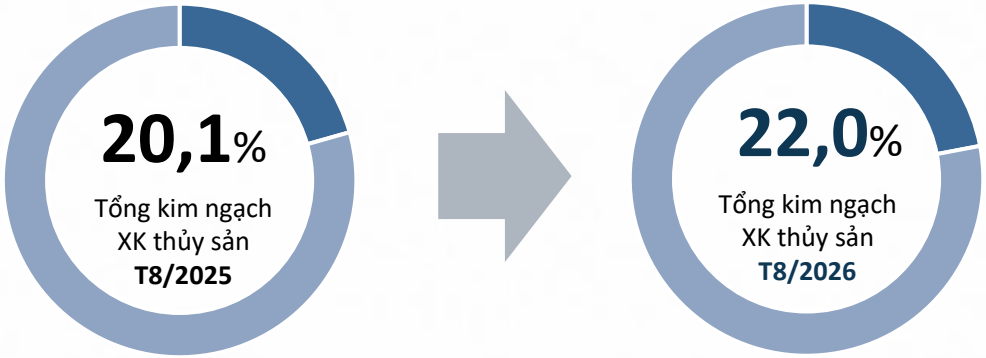
Cao hơn **60,6** triệu USD so với bình quân năm 2025

❖ Lũy kế 8 tháng 2026 đạt **1902,9** triệu USD, Đạt **83,4%** kim ngạch 2025

Tỷ trọng giá trị thủy sản Việt Nam sang thị trường Trung Quốc, T8/2026



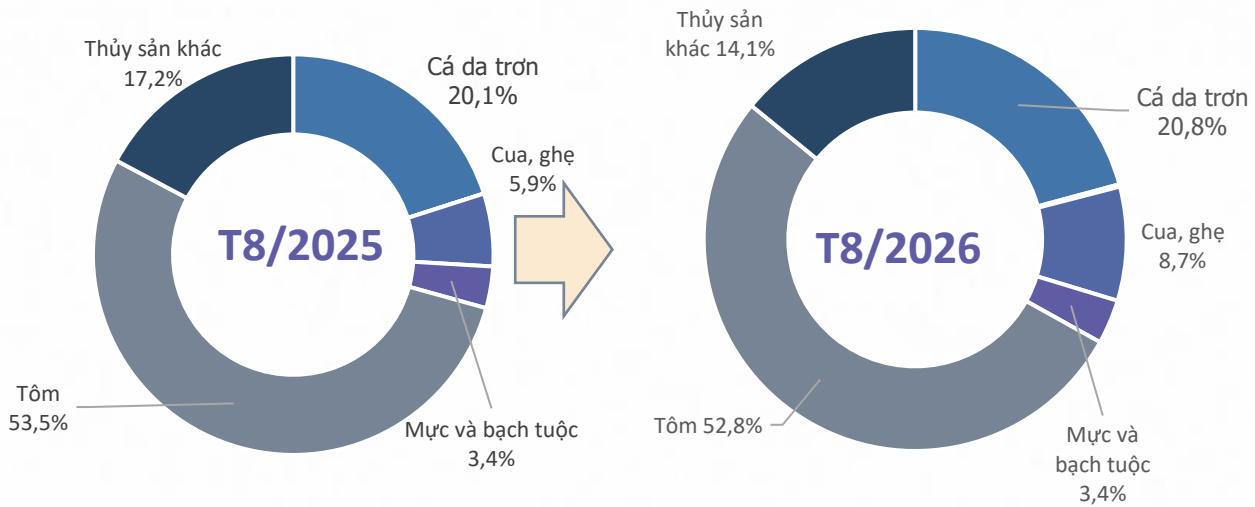
Biến động tỷ trọng giá trị thủy sản sang thị trường Trung Quốc, T8/2026



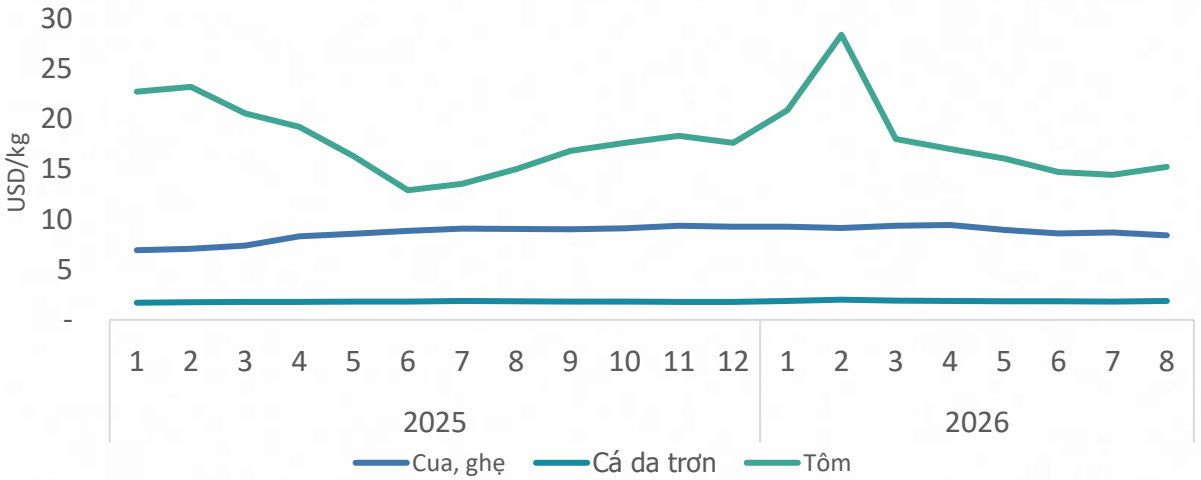
Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

THỦY SẢN

Cơ cấu chủng loại thủy sản xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T8/2026



Giá thủy sản xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc, T8/2026



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

Kết quả xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc, T8/2026



Cá da trơn

Kim ngạch: **52,0** Triệu USD

Tăng **4,2%** so với T7/2026

Tăng **20,2%** so với T8/2025



Tôm

Kim ngạch: **132,0** Triệu USD

Tăng **1,1%** so với T7/2026

Tăng **14,6%** so với T8/2025



Cua, ghẹ

Kim ngạch: **21,8** Triệu USD

Tăng **1,7%** so với T7/2026

Tăng **71,8%** so với T8/2025

Cua, ghẹ

Giá xuất khẩu bình quân trong T8/2026 ở mức **8,4** USD/kg; giảm **3,3%** so với tháng trước; và giảm **7,0%** so với cùng kỳ năm 2025.

Cá da trơn

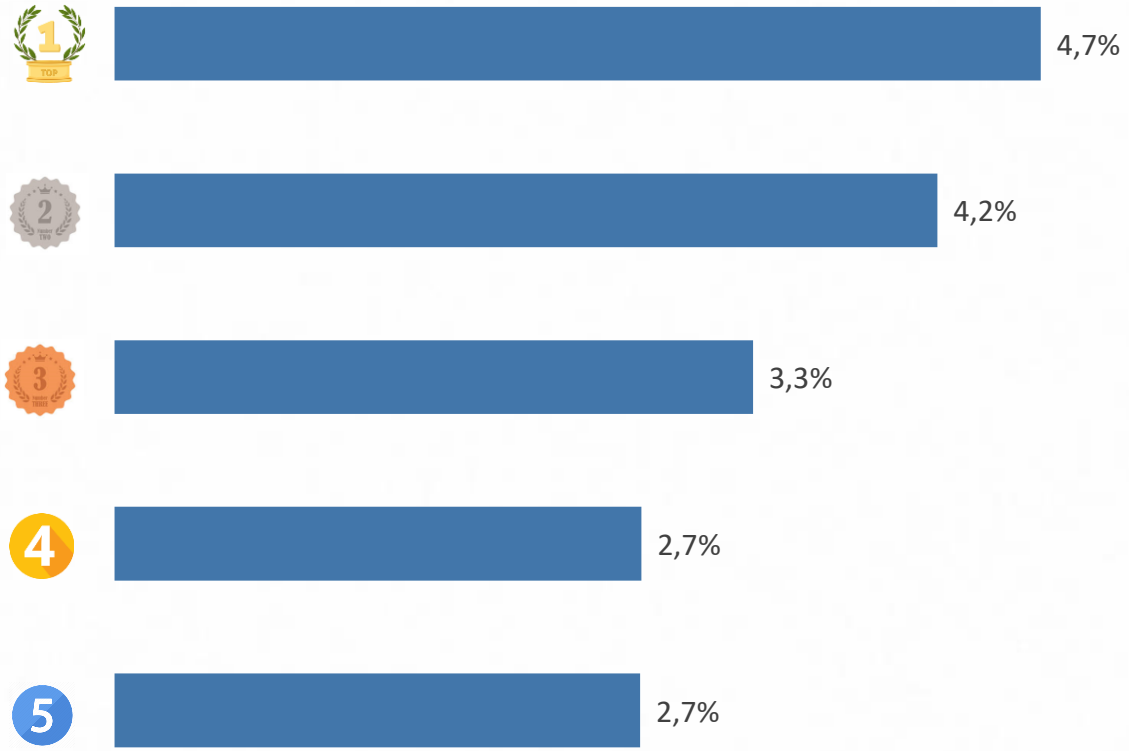
Giá xuất khẩu bình quân trong T8/2026 ở mức **1,9** USD/kg; tăng **3,4%** so với tháng trước; và tăng **1,4%** so với cùng kỳ năm 2025.

Tôm

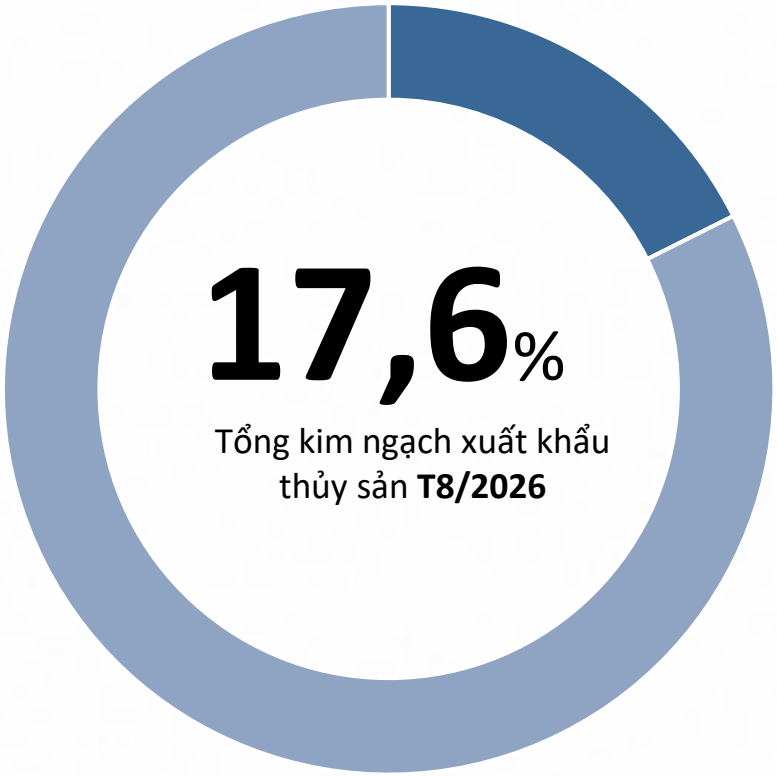
Giá xuất khẩu bình quân trong T8/2026 ở mức **15,2** USD/kg; tăng **5,6%** so với tháng trước; và tăng **1,5%** so với cùng kỳ năm 2025.

THỦY SẢN

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường Trung Quốc, T8/2026



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sang thị trường Trung Quốc ,T8/2026



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN TRUNG QUỐC

Xuất khẩu thủy sản Trung Quốc tăng về lượng nhưng giảm về giá trị

Trong 8 tháng đầu năm 2026, Trung Quốc xuất khẩu 2,953 triệu tấn thủy sản, tăng 4% so với cùng kỳ năm 2025, nhưng kim ngạch chỉ đạt 13,046 tỷ USD, giảm 0,5%. Giá trị xuất khẩu bình quân vì vậy giảm khoảng 4,3%, tương đương giảm khoảng 200 USD/tấn so với cùng kỳ.

Xu hướng "tăng lượng, giảm giá trị" đã xuất hiện từ đầu năm, cho thấy giá xuất khẩu của nhiều mặt hàng thủy sản Trung Quốc vẫn chịu áp lực giảm. Riêng tháng 8 xuất khẩu đạt khoảng 347.000 tấn, trị giá 1,633 tỷ USD, tương đương khoảng 4.707 USD/tấn, cao hơn 7,5% so với mức bình quân 7 tháng đầu năm.

Nhật Bản tiếp tục là thị trường nhập khẩu thủy sản lớn nhất của Trung Quốc, nhưng kim ngạch 7 tháng đầu năm giảm 4,7% so với cùng kỳ. Việc phải xuất khẩu khối lượng lớn hơn để duy trì doanh thu cho thấy các doanh nghiệp Trung Quốc tiếp tục chịu áp lực về giá, chi phí chế biến, lưu kho và logistics.

Nguồn: Vasep



Tin liên quan

Phúc Kiến chiếm gần một nửa xuất khẩu thủy sản Trung Quốc sang châu Phi



Trong 8 tháng đầu năm 2026, xuất khẩu thủy sản của tỉnh Phúc Kiến sang châu Phi đạt 3,58 tỷ NDT (khoảng 500 triệu USD), mức cao kỷ lục trong cùng kỳ và chiếm 49,4% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Trung Quốc sang khu vực này. Phúc Kiến tiếp tục giữ vị trí dẫn đầu cả nước về xuất khẩu thủy sản sang châu Phi.

Các sản phẩm đông lạnh chiếm hơn một nửa kim ngạch, đạt 1,81 tỷ NDT. Trong đó, cá rô phi đông lạnh đạt 860 triệu NDT, cá thu 410 triệu NDT và cá da trơn 60,13 triệu NDT. Nhóm thủy sản chế biến cũng tăng mạnh, đặc biệt cá mòi và cá trích chế biến hoặc bảo quản đạt 1,3 tỷ NDT, tăng 37,8% so với cùng kỳ.

Ghana và Bờ Biển Ngà là hai thị trường lớn, với kim ngạch lần lượt 940 triệu NDT và 630 triệu NDT; xuất khẩu sang Nigeria tăng tới 110%, đạt 260 triệu NDT. Cá rô phi tiếp tục là mặt hàng quan trọng, cho thấy châu Phi đang trở thành thị trường tiêu thụ ngày càng đáng chú ý đối với thủy sản Trung Quốc.

Nguồn: Vasep

Tin liên quan



GỖ VÀ SP GỖ

Giá trị gỗ và SP gỗ xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T8/2026



Kết quả xuất khẩu gỗ và SP gỗ sang thị trường Trung Quốc, T8/2026

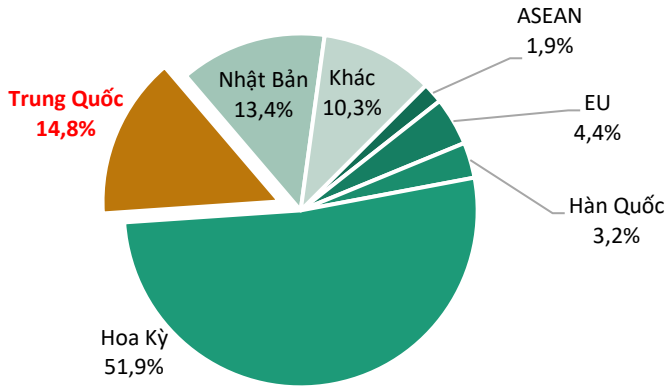
KIM NGẠCH

235

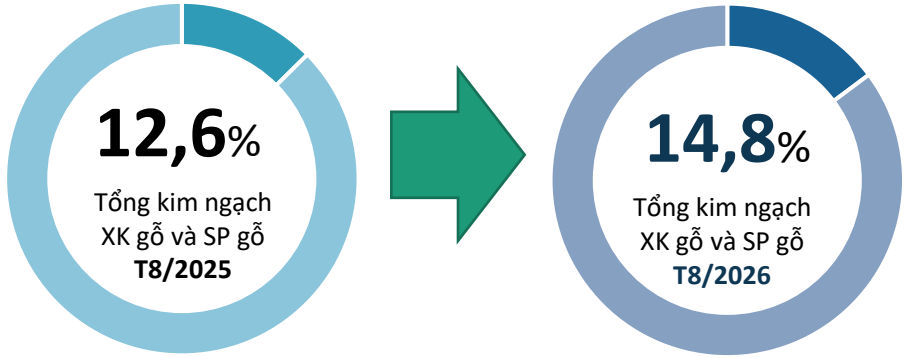
triệu USD

- Giảm **7,6%** so với T7/2026
- Tăng **27,3%** so với T8/2025
- Cao hơn **33,4 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025
- Lũy kế 8 tháng đầu năm 2026 đạt **1,7** tỷ USD, đạt **84,7%** kim ngạch năm 2025

Tỷ trọng giá trị gỗ và SP gỗ sang thị trường Trung Quốc, T8/2026



Biến động tỷ trọng giá trị gỗ và SP gỗ sang thị trường Trung Quốc, T8/2026

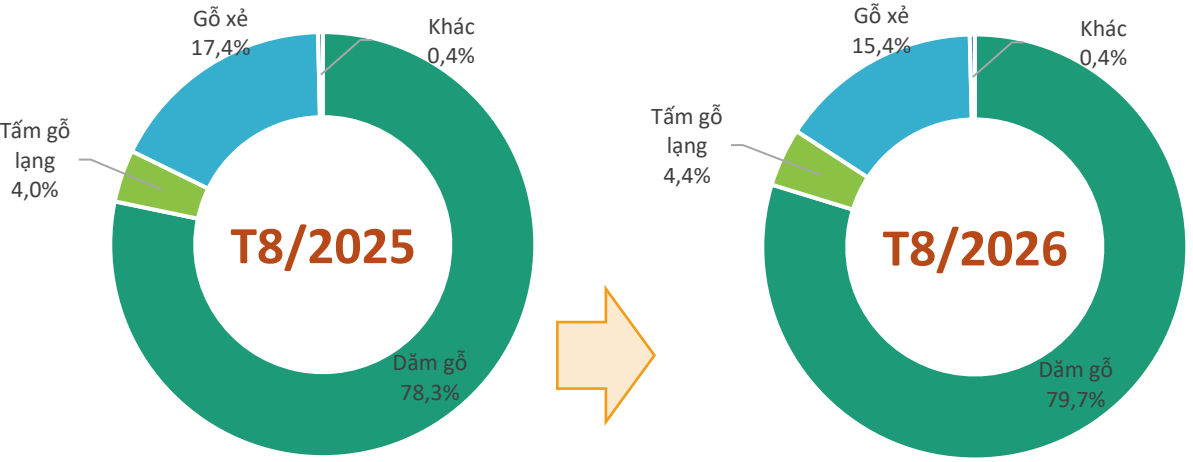


Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan



GỖ VÀ SP GỖ

Cơ cấu chủng loại gỗ và SP gỗ XK sang thị trường Trung Quốc, T8/2026



Kết quả xuất khẩu gỗ và SP gỗ sang thị trường Trung Quốc, T8/2026



Dăm gỗ

Kim ngạch: **187,6** triệu USD

Tăng **22%** so với T7/2026

Tăng **35%** so với T8/2025



Gỗ xẻ

Kim ngạch: **36,3** triệu USD

Giảm **18%** so với T7/2026

Tăng **18%** so với T8/2025



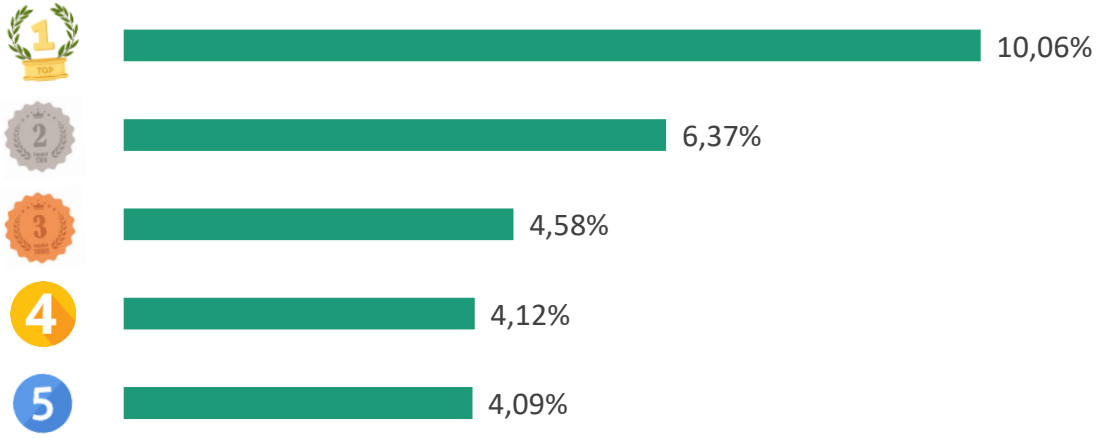
Tấm gỗ lạng

Kim ngạch: **10,4** triệu USD

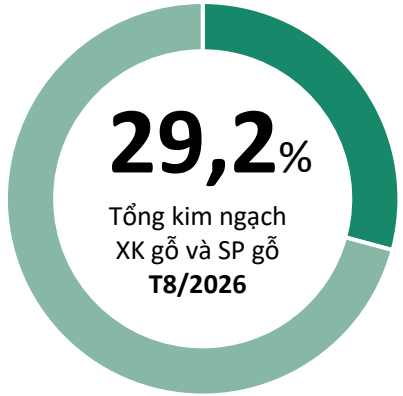
Tăng **12%** so với T7/2026

Tăng **48%** so với T8/2025

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường Trung Quốc, T8/2026



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK thị trường Trung Quốc, T8/2026



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

GỖ VÀ SP GỖ

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ TRUNG QUỐC



Tin liên quan

Trong tháng 8/2026, Trung Quốc nhập khẩu 4,392 triệu m^3 gỗ tròn và gỗ xẻ, tăng 9% so với cùng kỳ năm 2025 nhưng giảm 6,6% so với tháng trước; kim ngạch đạt 981,49 triệu USD, tăng 19,8%. Trong đó, nhập khẩu gỗ tròn đạt 2,445 triệu m^3, tăng 15,7% về lượng và 35,2% về trị giá; nhập khẩu gỗ xẻ đạt 1,947 triệu m^3, tăng 1,7% về lượng và 10,9% về trị giá.

New Zealand tiếp tục là nguồn cung lớn nhất với 1,638 triệu m^3, tăng 22,1%; tiếp theo là Nga với 966.000 m^3, giảm 1,8%. Nhập khẩu từ Hoa Kỳ và Papua New Guinea lần lượt tăng 84,5% và 65,6%. Lũy kế 8 tháng đầu năm 2026, Trung Quốc nhập khẩu 35,63 triệu m^3, giảm 5% về lượng nhưng kim ngạch tăng 2,3% lên khoảng 7,78 tỷ USD.

Nguồn: globalwood.org



HẠT ĐIỀU

Khối lượng và giá trị hạt điều xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T8/2026



Kết quả xuất khẩu hạt điều sang thị trường Trung Quốc, T8/2026

KIM NGẠCH

121 *triệu USD*

Giảm **9,45%** so với T7/2026

Tăng **54,1%** so với T8/2025

Cao hơn **28,1** triệu USD so với bình quân theo tháng năm 2025

❖ Lũy kế 08 tháng năm 2026 đạt **840** triệu USD, đạt **75,4%** kim ngạch năm 2025

KHỐI LƯỢNG

16,0 *nghìn tấn*

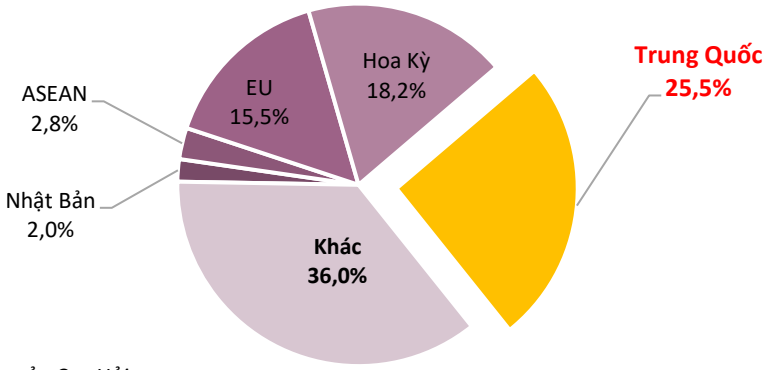
Giảm **11,6%** so với T7/2026

Tăng **31,3%** so với T8/2025

Cao hơn **1,6** nghìn tấn so với bình quân theo tháng năm 2025

❖ Lũy kế 08 tháng năm 2026 đạt **115** nghìn tấn, đạt **66,8%** khối lượng năm 2025

Tỷ trọng giá trị hạt điều của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc, T8/2026



Biến động tỷ trọng giá trị hạt điều của VN sang thị trường Trung Quốc, T8/2026

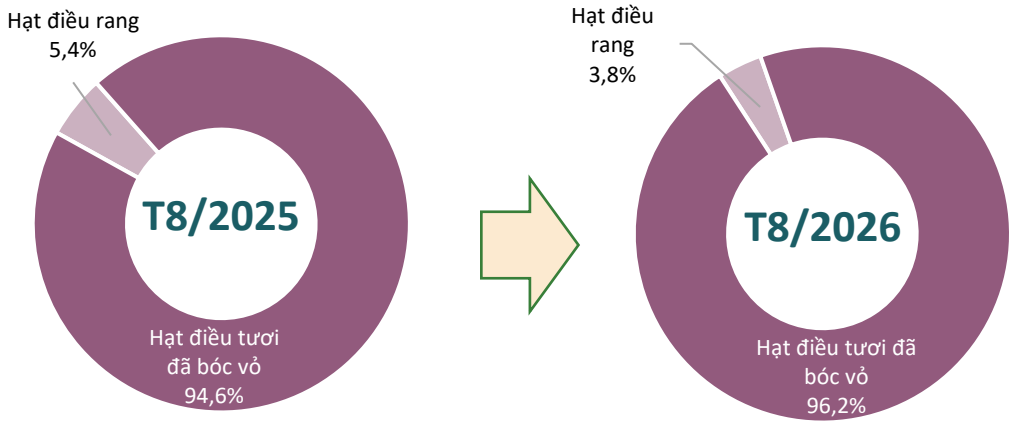


Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

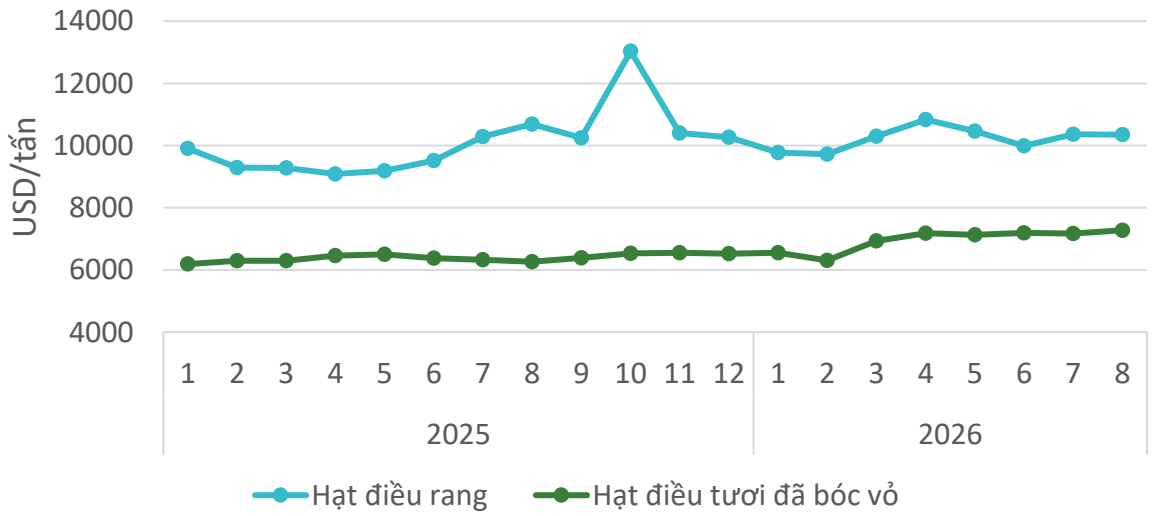


HẠT ĐIỀU

Cơ cấu chủng loại hạt điều xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T8/2026



Giá hạt điều xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc, T8/2026



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

Kết quả xuất khẩu hạt điều sang thị trường Trung Quốc, T8/2026



Hạt điều tươi đã bóc vỏ

Kim ngạch: **116,6** triệu USD

Tăng **12,9%** so với T7/2026

Tăng **62,3%** so với T8/2025



Hạt điều rang

Kim ngạch: **4,4** triệu USD

Tăng **93,5%** so với T7/2026

Giảm **11,2%** so với T8/2025

Hạt điều tươi đã bóc vỏ

Giá xuất khẩu bình quân trong T8/2026 ở mức **7.278** USD/tấn tăng **1,5%** so với tháng trước; và tăng **16,2%** so với cùng kỳ năm 2025.

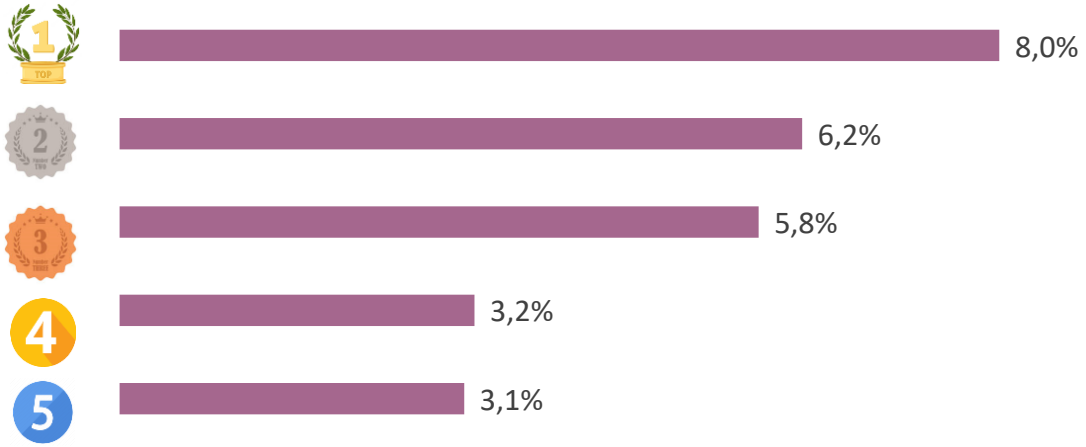
Hạt điều rang

Giá xuất khẩu bình quân trong T8/2026 ở mức **10.346** USD/tấn; giảm **0,2%** so với tháng trước; và giảm **3,2%** so với cùng kỳ năm 2025.

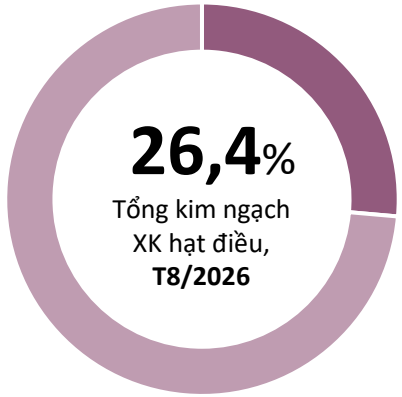


HẠT ĐIỀU

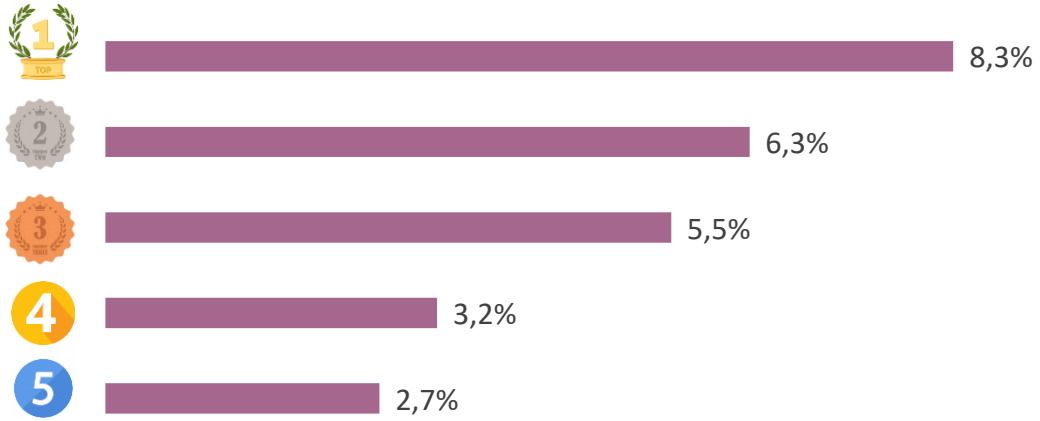
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T8/2026



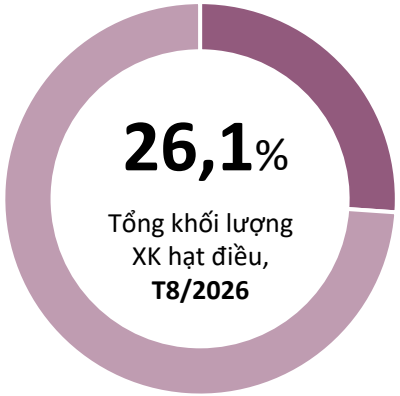
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T8/2026



TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T8/2026



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T8/2026



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

HẠT ĐIỀU

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU TRUNG QUỐC



Doanh nghiệp Trung Quốc quan tâm nhập khẩu hạt điều Campuchia

Đại diện Trung tâm Triển lãm Nông nghiệp Jingzhou, tỉnh Hà Nam, Trung Quốc bày tỏ quan tâm đến việc nhập khẩu hạt điều Campuchia cùng một số nông sản tiềm năng khác. Hai bên đã trao đổi về việc mở rộng thương mại, đầu tư và thúc đẩy xuất khẩu các sản phẩm đáp ứng yêu cầu kiểm dịch của Trung Quốc. Hạt điều được đánh giá là mặt hàng có triển vọng tăng khả năng tiếp cận thị trường Trung Quốc. Trung tâm Jingzhou dự kiến cử đoàn sang Campuchia khảo sát cơ hội hợp tác và đầu tư trong thời gian tới.

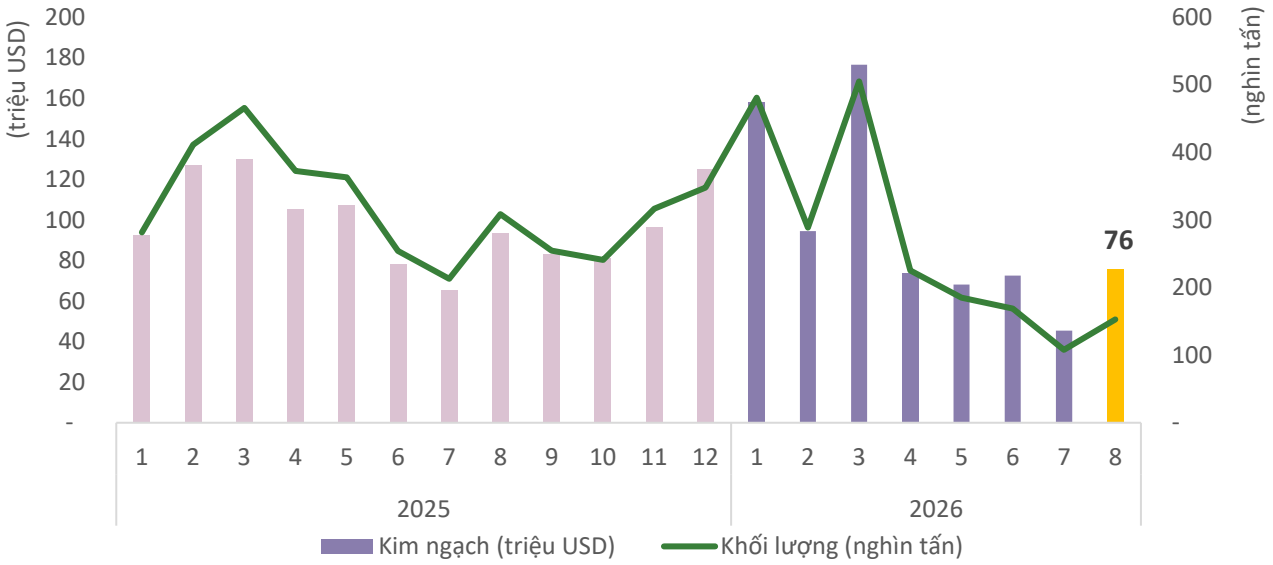
Nguồn: kh.cc-times.com

Tin liên quan



SẮN VÀ SP TỪ SẮN

Khối lượng và giá trị sắn và SP từ sắn XK sang thị trường Trung Quốc, T8/2026



Kết quả XK sắn và SP từ sắn sang thị trường Trung Quốc, T8/2026

KIM NGẠCH

75,8 *triệu USD*

↗ Tăng **67,0%** so với T7/2026

↘ Giảm **18,7%** so với T8/2025

🡻 Thấp hơn **22** triệu USD so với bình quân năm 2025

❖ Lũy kế 08 tháng năm 2026 đạt **765** triệu USD, đạt **65,2%** kim ngạch năm 2025

KHỐI LƯỢNG

153,1 *nghìn tấn*

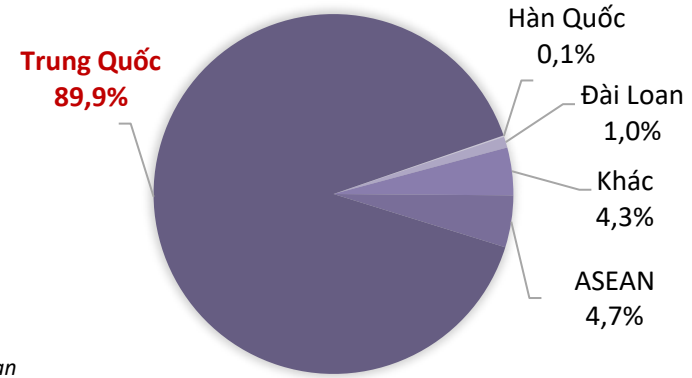
↗ Tăng **41,9%** so với T7/2026

↘ Giảm **50,4%** so với T8/2025

🡻 Thấp hơn **160** nghìn tấn so với bình quân năm 2025

❖ Lũy kế 08 tháng năm 2026 đạt **2,1** triệu tấn, đạt **56,3%** khối lượng năm 2025

Tỷ trọng giá trị sắn và SP từ sắn sang thị trường Trung Quốc, T8/2026



Biến động tỷ trọng giá trị sắn và SP từ sắn sang thị trường Trung Quốc, T8/2026

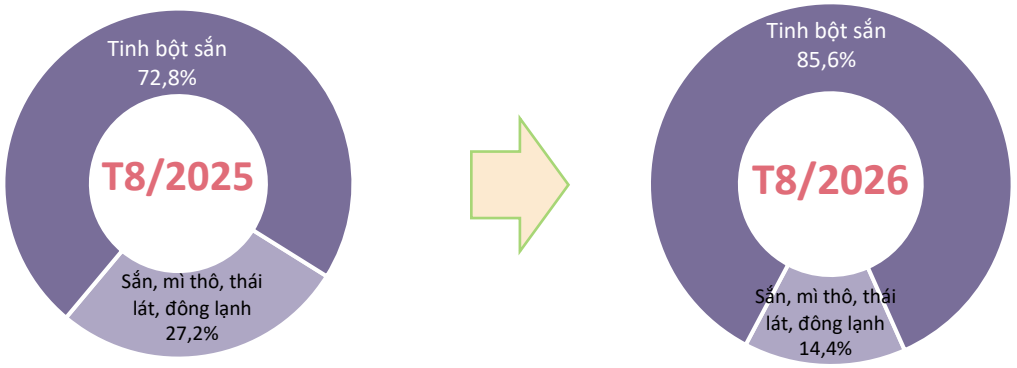


Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

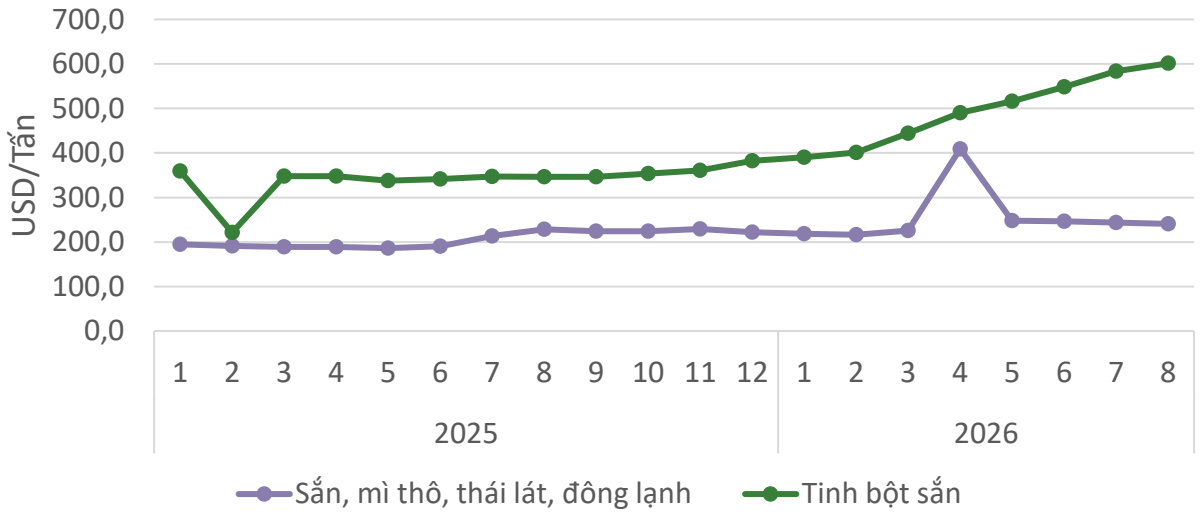


SẮN VÀ SP TỪ SẮN

Cơ cấu chủng loại sắn và SP từ sắn XK sang thị trường Trung Quốc, T8/2026



Giá sắn và SP từ sắn XK bình quân sang thị trường Trung Quốc, T8/2026



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

Kết quả XK sắn và SP từ sắn sang thị trường Trung Quốc, T8/2026



Sắn thô, thái lát, đông lạnh

Kim ngạch: **10,9** triệu USD

Giảm **13,1**% so với T7/2026

Giảm **56,9**% so với T8/2025



Tinh bột sắn

Kim ngạch: **64,9** triệu USD

Tăng **97,7**% so với T7/2026

Giảm **4,5**% so với T8/2025

Tinh bột sắn

Giá xuất khẩu bình quân trong T8/2026 ở mức **601** USD/tấn; tăng **3,0%** so với tháng trước; và tăng **75,5%** so với cùng kỳ năm 2025.

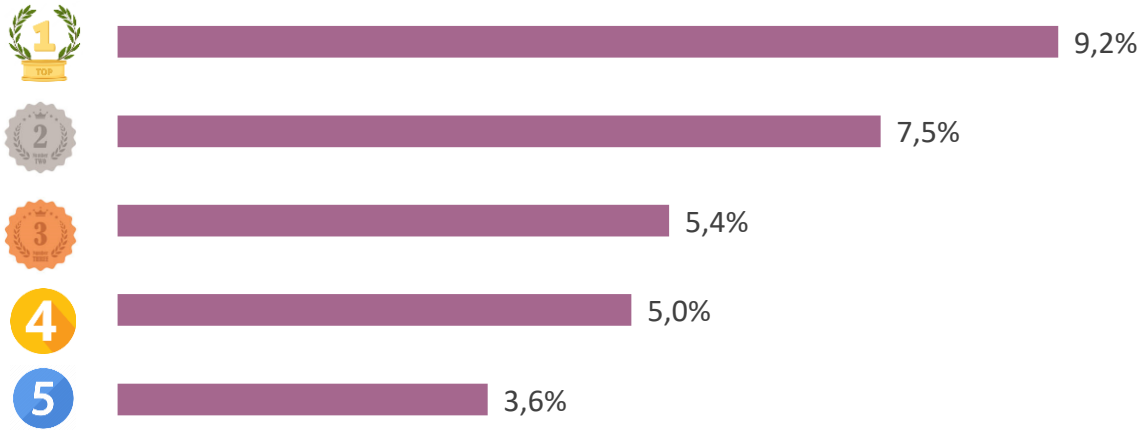
Sắn thô, thái lát, đông lạnh

Giá xuất khẩu bình quân trong T8/2026 ở mức **241** USD/tấn; giảm **1,1%** so với tháng trước; và tăng **3,0%** so với cùng kỳ năm 2025.

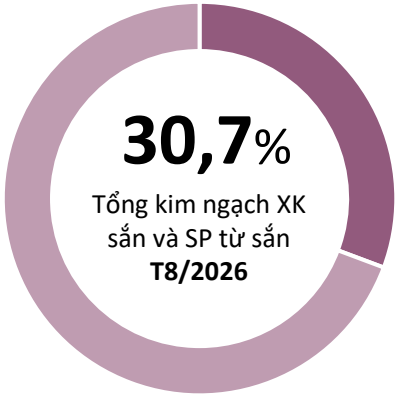


SẮN VÀ SP TỪ SẮN

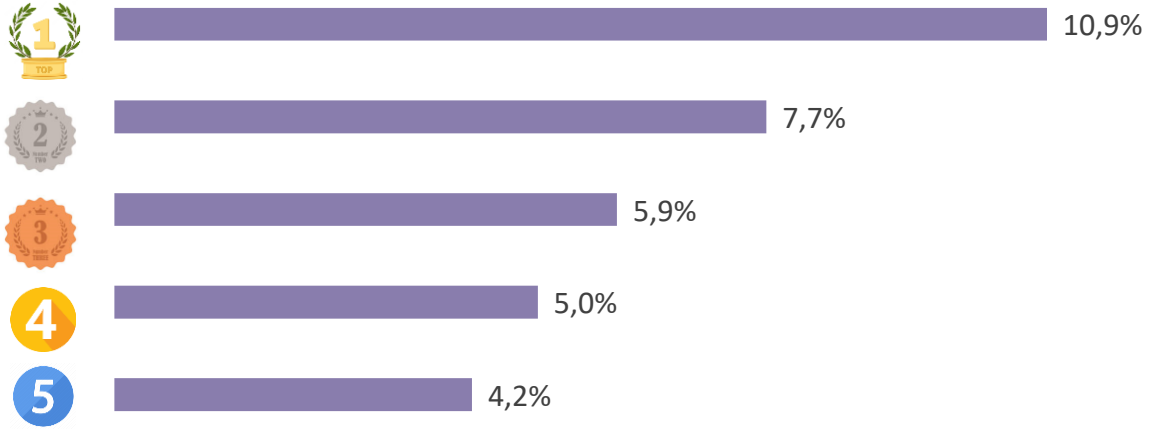
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sắn và SP từ sắn sang thị trường Trung Quốc, T8/2026



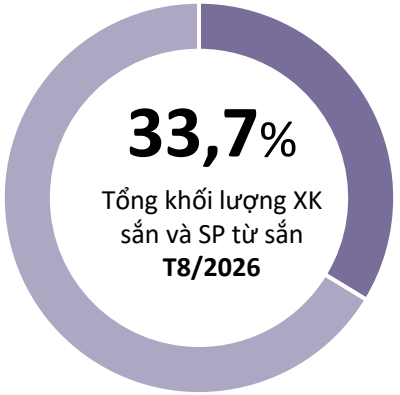
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sắn và SP từ sắn sang thị trường Trung Quốc, T8/2026



TOP 5 DN về khối lượng XK sắn và SP từ sắn sang thị trường Trung Quốc, T8/2026



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 DN XK sắn và SP từ sắn sang thị trường Trung Quốc, T8/2026



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

SẮN VÀ SP TỪ SẮN









TIN LIÊN QUAN

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG SẮN VÀ SP TỪ SẮN TRUNG QUỐC

Trung Quốc giảm mạnh nhập khẩu sắn và tinh bột sắn trong 8 tháng năm 2026

Theo số liệu Hải quan Trung Quốc, trong 8 tháng năm 2026, Trung Quốc nhập khẩu 2,05 triệu tấn sắn khô, giảm 56,3% so với cùng kỳ năm 2025, với trị giá 488,96 triệu USD, giảm 47,9%. Riêng nhập khẩu tinh bột sắn đạt 2,63 triệu tấn, giảm 23,9%, trong khi trị giá giảm 6,1% xuống 1,19 tỷ USD, cho thấy giá nhập khẩu bình quân tăng đáng kể. Việt Nam tiếp tục là nguồn cung tinh bột sắn lớn nhất của Trung Quốc, chiếm 48,75% tổng lượng nhập khẩu; tiếp theo là Thái Lan 30,88% và Lào 17,46%.

Thị trường Trung Quốc hiện có nguồn cung tương đối dồi dào trong khi nhu cầu thấp, do hoạt động của các ngành thực phẩm, giấy, dệt may và hóa chất phục hồi chậm, khiến sức mua của người dân giảm.

Nguồn: 163.com

SẮN VÀ SP TỪ SẮN









TIN LIÊN QUAN

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG SẮN VÀ SP TỪ SẮN TRUNG QUỐC

Trung Quốc hỗ trợ Rwanda nâng cao công nghệ chế biến sắn

Trong khuôn khổ chương trình đào tạo về công nghệ chế biến và bảo quản nông sản do Trung Quốc tổ chức tại Rwanda, các chuyên gia Trung Quốc hướng dẫn học viên địa phương về giảm tổn thất sau thu hoạch, an toàn thực phẩm và công nghệ chế biến.

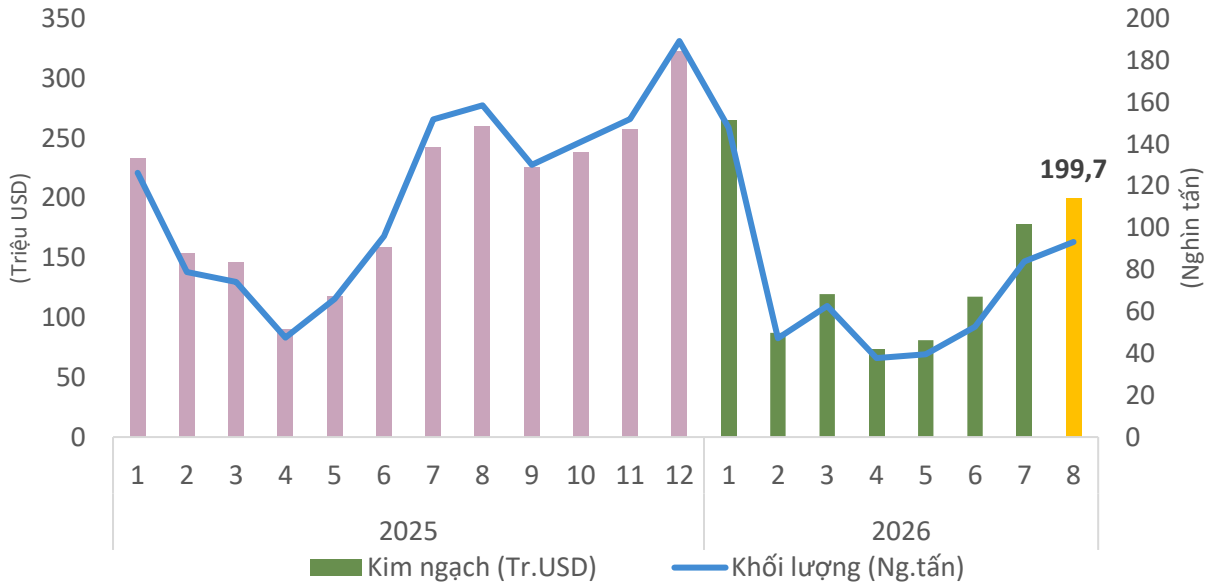
Sắn là một trong những cây trồng chủ lực của Rwanda, với nội dung đào tạo tập trung vào kỹ thuật khử độc sắn trong quá trình bảo quản và chế biến. Hoạt động này góp phần thúc đẩy hợp tác kỹ thuật nông nghiệp Trung Quốc - Rwanda, đồng thời hỗ trợ Rwanda phát triển ngành nông sản theo hướng an toàn và có giá trị gia tăng cao.

Nguồn: news.cn



CAO SU

Khối lượng và giá trị cao su xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T8/2026



Kết quả xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc, T8/2026

KIM NGẠCH

199,7 *triệu USD*

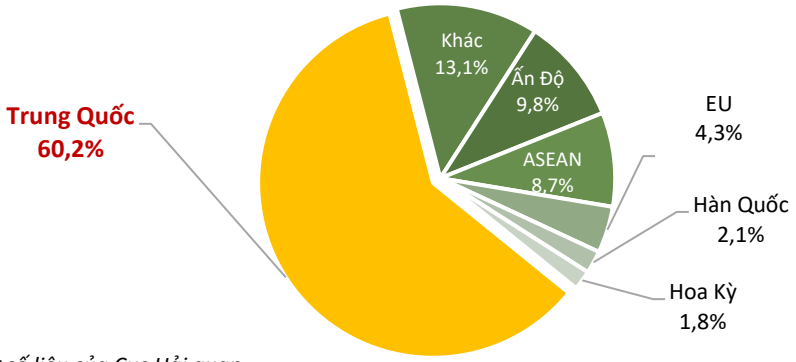
- Tăng **12,1%** so với T7/2026
- Giảm **23,3%** so với T8/2025
- Thấp hơn **4,1** triệu USD so với bình quân theo tháng năm 2025
- Lũy kế 08 tháng năm 2026 đạt **1,1** tỷ USD, đạt **45,9%** kim ngạch năm 2025

KHỐI LƯỢNG

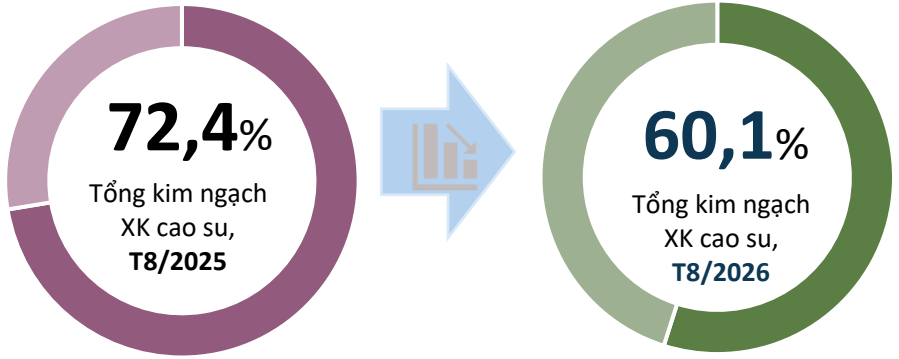
93,3 *nghìn tấn*

- Tăng **11,2%** so với T7/2026
- Giảm **41,2%** so với T8/2025
- Thấp hơn **24,4** nghìn tấn so với bình quân theo tháng năm 2025
- Lũy kế 08 tháng năm 2026 đạt **565** nghìn tấn, đạt **40,0%** khối lượng năm 2025

Tỷ trọng giá trị cao su Việt Nam sang thị trường Trung Quốc, T8/2026



Biến động tỷ trọng giá trị cao su VN sang thị trường Trung Quốc, T8/2026

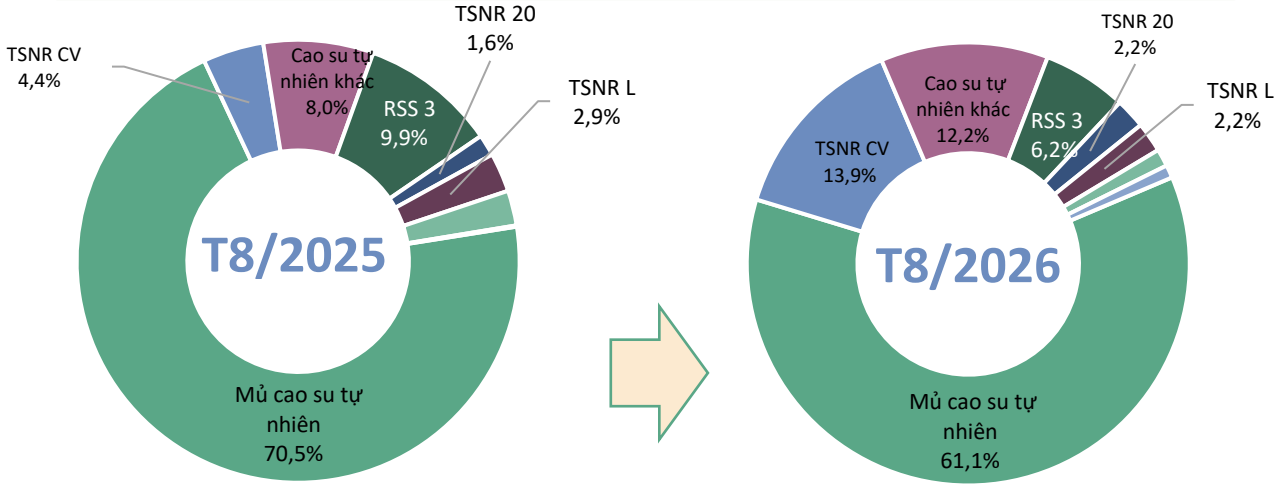


Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

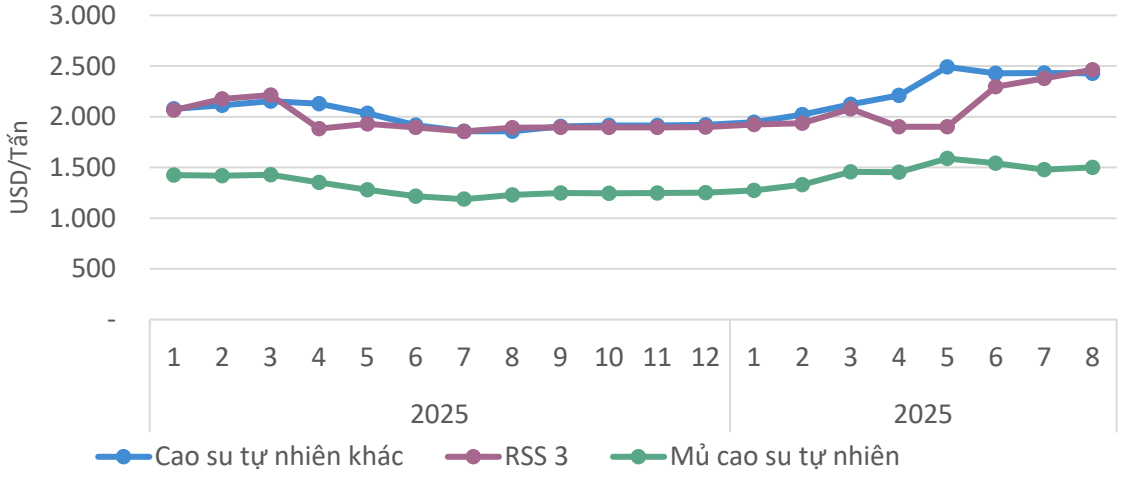


CAO SU

Cơ cấu chủng loại cao su xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T8/2026



Giá cao su xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc, T8/2026



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

Kết quả xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc, T8/2026



Mủ cao su tự nhiên

Kim ngạch: **122** triệu USD

Tăng **24,6%** so với T7/2026

Giảm **33,5%** so với T8/2025



RSS 3

Kim ngạch: **12,3** triệu USD

Giảm **15,0%** so với T7/2026

Giảm **52,4%** so với T8/2025



Cao su tự nhiên khác

Kim ngạch: **24,4** triệu USD

Giảm **25,8%** so với T7/2026

Tăng **16,9%** so với T8/2025

Mủ cao su tự nhiên

Giá xuất khẩu bình quân trong T8/2026 ở mức **1.499** USD/tấn; tăng **1,3%** so với tháng trước; và tăng **22,1%** so với cùng kỳ năm 2025.

RSS 3

Giá xuất khẩu bình quân trong T8/2026 ở mức **2.464** USD/tấn; tăng **3,6%** so với tháng trước; và tăng **30,2%** so với cùng kỳ năm 2025.

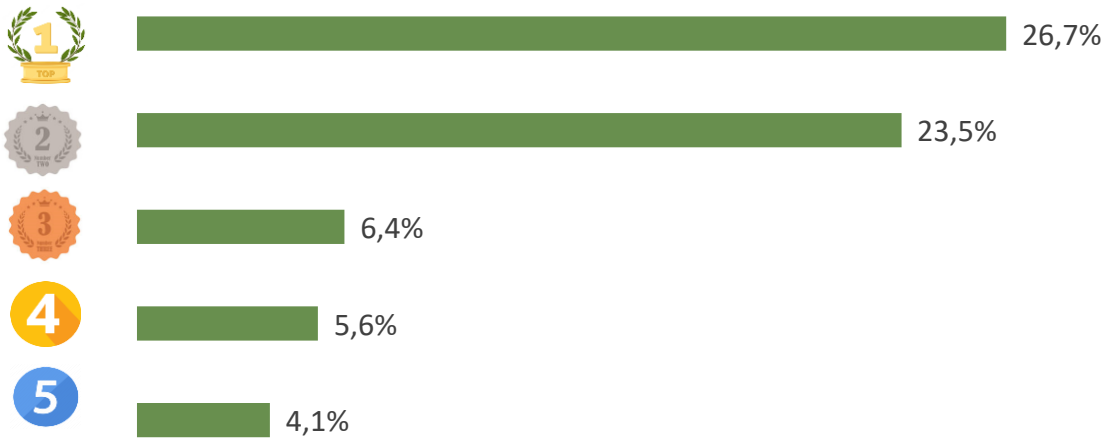
Cao su tự nhiên khác

Giá xuất khẩu bình quân trong T8/2026 ở mức **2.428** USD/tấn; giảm **0,1%** so với tháng trước; và tăng **30,7%** so với cùng kỳ năm 2025.

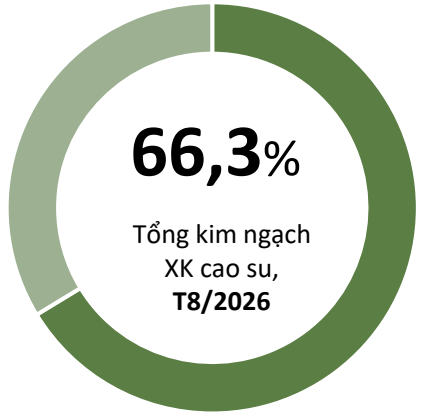


CAO SU

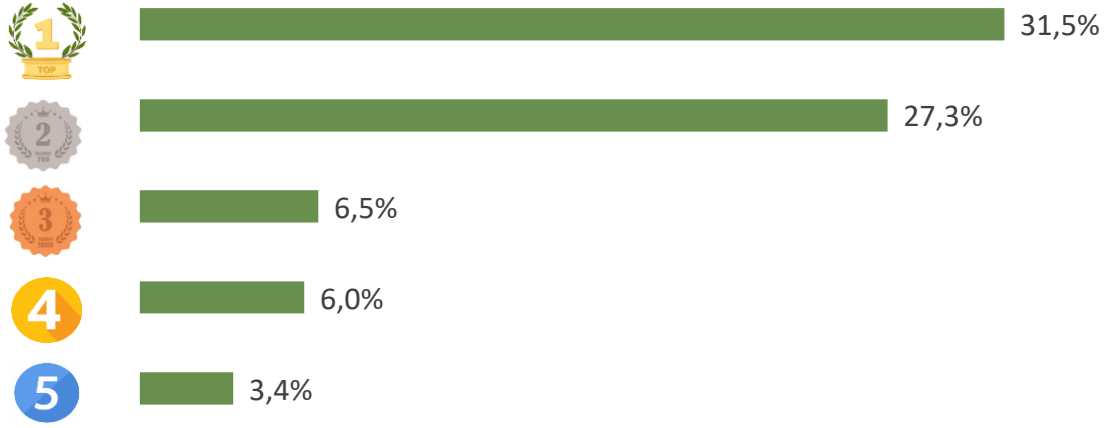
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc, T8/2026



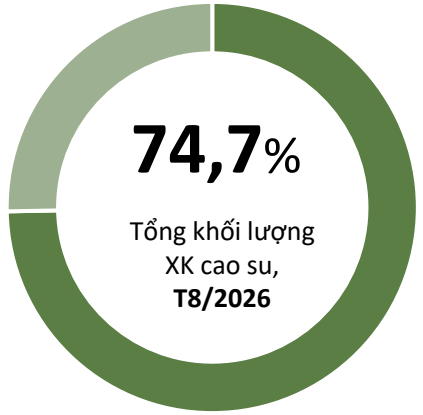
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T8/2026



TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc, T8/2026



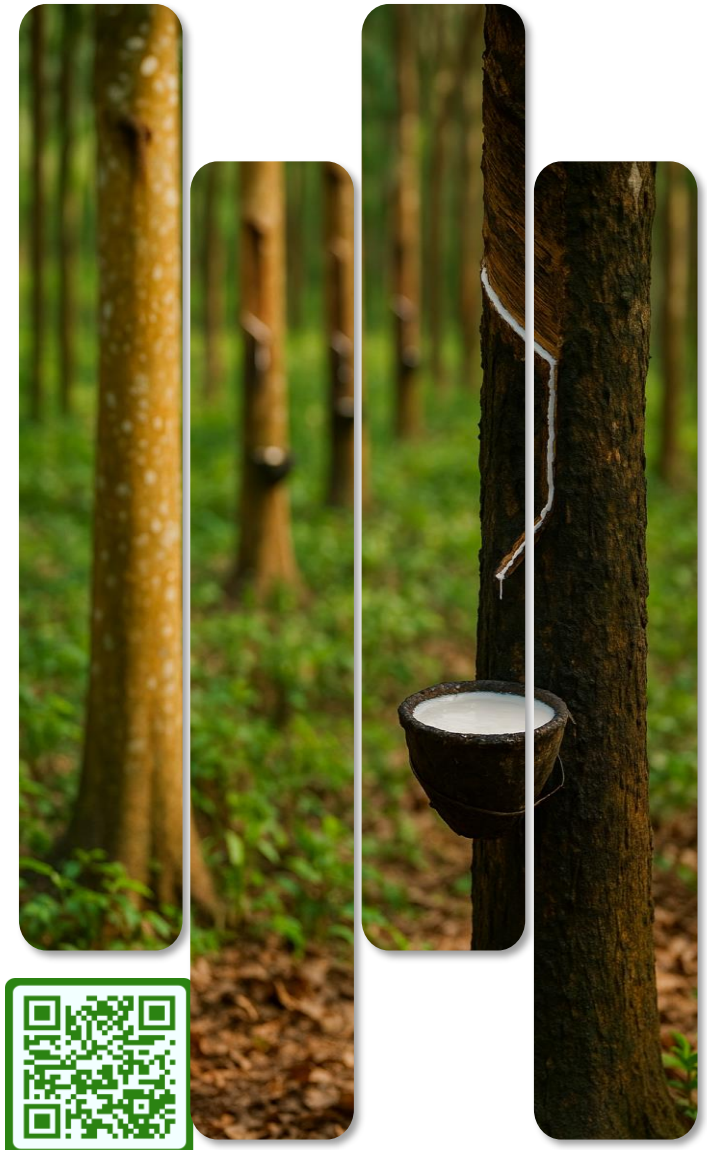
Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T8/2026



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

CAO SU

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG CAO SU TRUNG QUỐC



Tin liên quan

❖ Tam Á (Trung Quốc) hỗ trợ cải tạo vườn cao su già cỗi

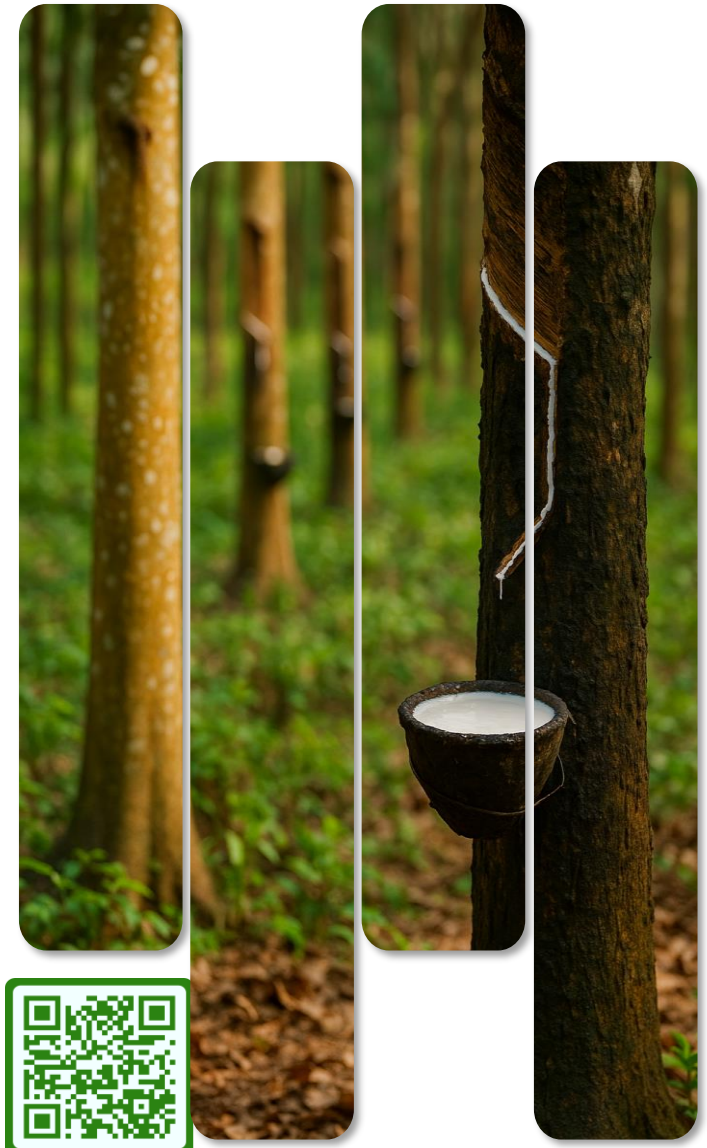
Thành phố Tam Á, tỉnh Hải Nam (Trung Quốc) triển khai chính sách hỗ trợ cải tạo các vườn cao su già cỗi, năng suất thấp hoặc bị thiệt hại do bão nhằm duy trì sản lượng cao su thiên nhiên. Nông dân, doanh nghiệp và hợp tác xã trồng lại bằng giống cao su được khuyến cáo sẽ được hỗ trợ tổng cộng 3.100 nhân dân tệ/mẫu (khoảng 6.935 USD/ha), chi trả trong 6 năm, gồm 1.100 nhân dân tệ/mẫu (khoảng 2.461 USD/ha) trong năm đầu và 400 nhân dân tệ/mẫu/năm (khoảng 895 USD/ha/năm) trong 5 năm tiếp theo.

Các vườn nằm trong khu bảo vệ sản xuất cao su được ưu tiên và phải tiếp tục trồng cao su sau khi cải tạo, không được tự ý chuyển sang sầu riêng, cau, mít hoặc cây kinh tế khác. Khoản hỗ trợ hằng năm chỉ được giải ngân sau khi vườn cây đạt yêu cầu nghiệm thu về tỷ lệ sống và chất lượng chăm sóc; trường hợp chỉ chặt cây mà không trồng lại cao su sẽ không được nhận hỗ trợ.

Nguồn: sanya.gov.cn

CAO SU

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG CAO SU TRUNG QUỐC



Tin liên quan

❖ Trung Quốc ban hành bổ sung tiêu chuẩn kỹ thuật cho ngành cao su tự nhiên

Bộ Nông nghiệp và Nông thôn Trung Quốc đã công bố tiêu chuẩn nhận dạng giống cây cao su bằng chỉ thị phân tử SSR (NY/T 5684-2026), có hiệu lực từ ngày 01/2/2027. Phương pháp này sử dụng dấu vân tay ADN để nhận dạng giống, kiểm tra độ thuần và hỗ trợ chọn tạo giống, khắc phục hạn chế của cách phân biệt dựa trên đặc điểm hình thái.

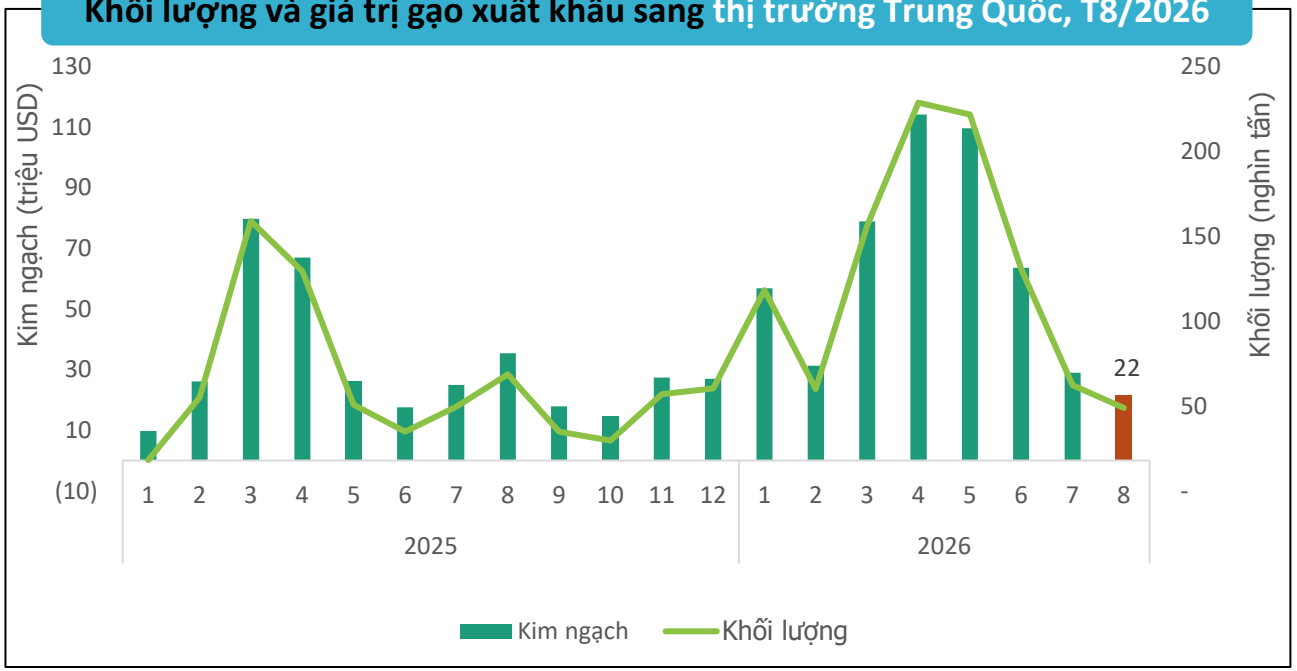
Trong quá trình xây dựng tiêu chuẩn, các nhà khoa học đã chọn 34 cặp mồi SSR cốt lõi từ 793 cặp mồi để phân tích 37 giống cao su trồng phổ biến. Đến nay, Trung Quốc đã thu thập 214 nguồn gen cao su, đánh giá 1.975 mẫu và xác định 112 nguồn gen triển vọng có đặc tính sinh trưởng nhanh, năng suất cao, chịu lạnh và chống gió. Tiêu chuẩn mới được kỳ vọng giúp chuẩn hóa hoạt động quản lý giống, bảo vệ quyền đối với giống mới và kiểm soát chất lượng cây giống trước khi đưa vào sản xuất.

Nguồn: china.com.cn



LÚA GẠO

Khối lượng và giá trị gạo xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T8/2026



Kết quả xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T8/2026

KIM NGẠCH

21,5 *triệu USD*

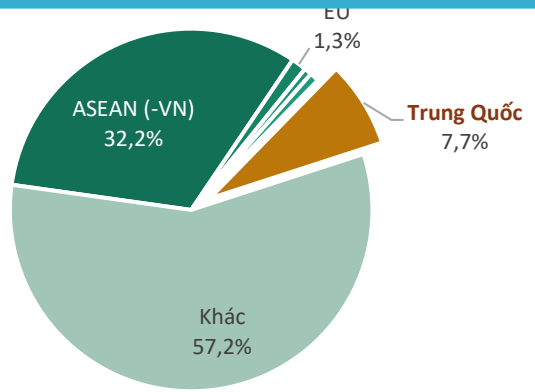
- Giảm **25,6%** so với T7/2026
- Giảm **39,2%** so với T8/2025
- Thấp hơn **9,6 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025
- Lũy kế 8 tháng đầu năm 2026 đạt **504,9** triệu USD, đạt **135,2%** kim ngạch 2025

KHỐI LƯỢNG

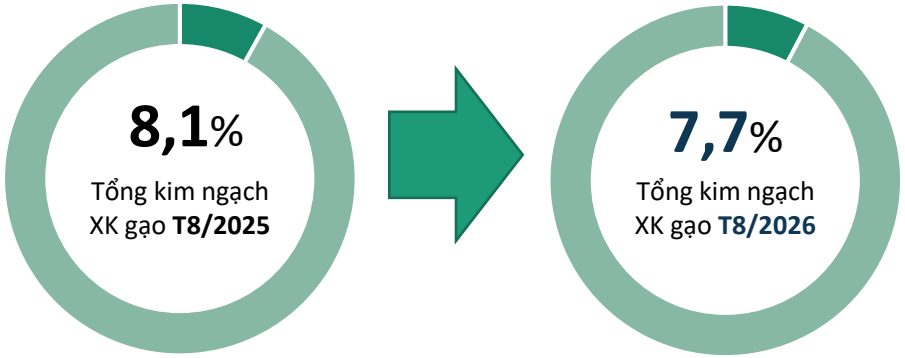
48,9 *nghìn tấn*

- Giảm **21,4%** so với T7/2026
- Giảm **28,7%** so với T8/2025
- Thấp hơn **13,6 nghìn tấn** so với bình quân theo tháng năm 2025
- Lũy kế 8 tháng đầu năm 2026 đạt **1,0** triệu tấn, đạt **137,5%** lượng năm 2025

Tỷ trọng giá trị gạo sang thị trường Trung Quốc, T8/2026



Biến động tỷ trọng giá trị gạo sang thị trường Trung Quốc, T8/2026

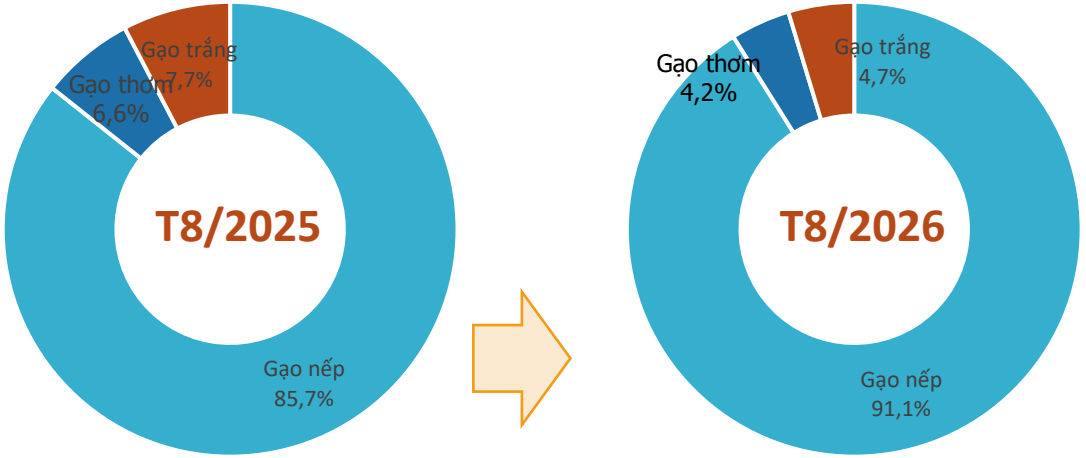


Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

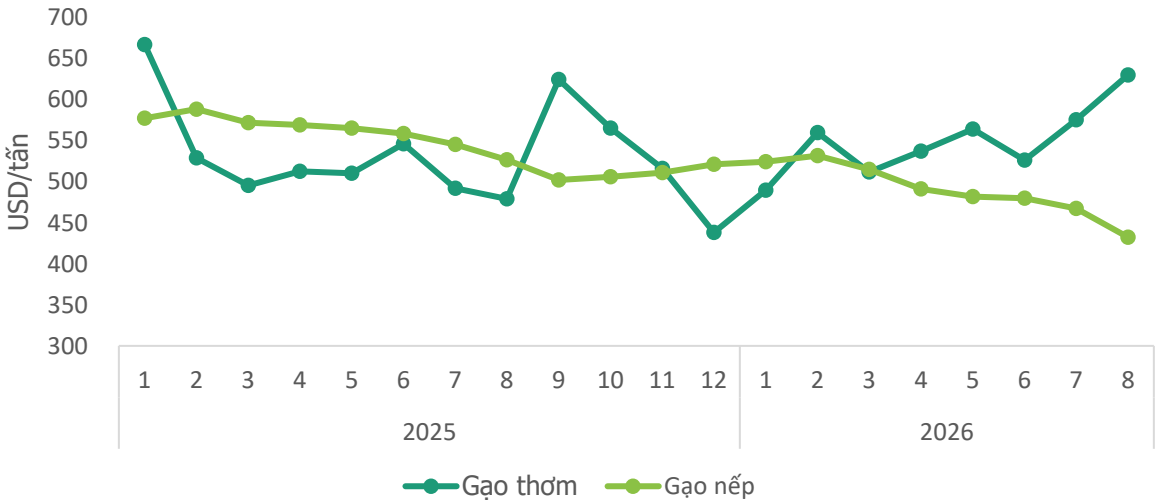


LÚA GẠO

Cơ cấu chủng loại gạo xuất khẩu sang **thị trường Trung Quốc, T8/2026**



Giá gạo xuất khẩu bình quân sang **thị trường Trung Quốc, T8/2026**



Kết quả xuất khẩu gạo sang **thị trường Trung Quốc, T8/2026**



Gạo nếp

Kim ngạch: **17,2** triệu USD

Giảm **14**% so với T7/2026

Giảm **43**% so với T8/2025



Gạo thơm

Kim ngạch: **0,8** triệu USD

Giảm **51**% so với T7/2026

Giảm **66**% so với T8/2025



Gạo trắng

Kim ngạch: **0,9** triệu USD

Giảm **83**% so với T7/2026

Giảm **68**% so với T8/2025

Gạo nếp

Giá xuất khẩu bình quân trong T8/2026 ở mức **432** USD/tấn; giảm **8%** so với tháng trước; và giảm **18%** so với cùng kỳ năm 2025.

Gạo thơm

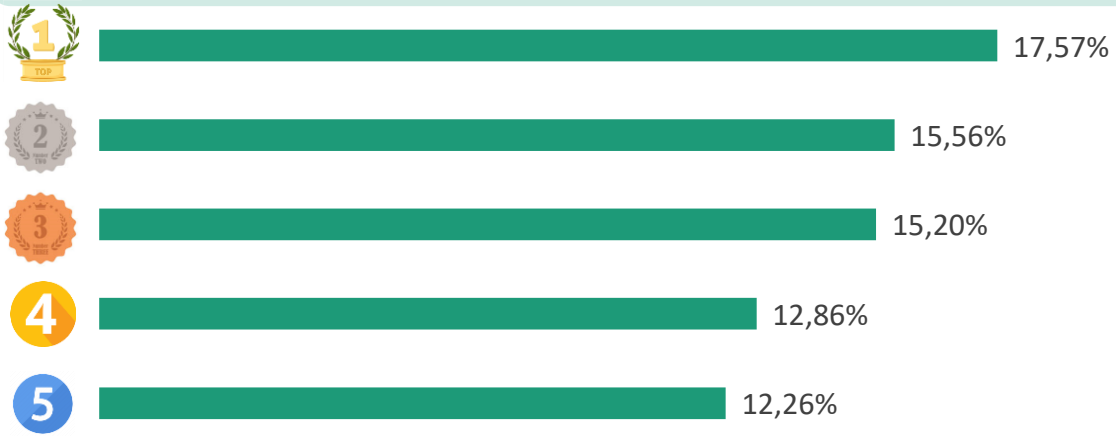
Giá xuất khẩu bình quân trong T8/2026 ở mức **630** USD/tấn; tăng **10%** so với tháng trước và tăng **32%** so với cùng kỳ năm 2025.

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

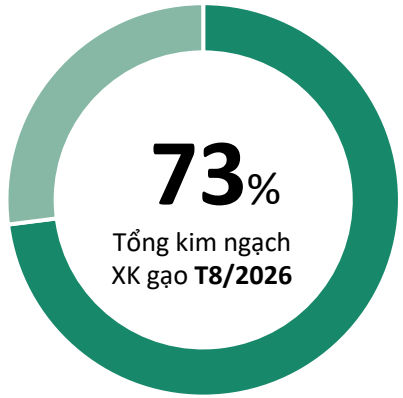


LÚA GẠO

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T8/2026



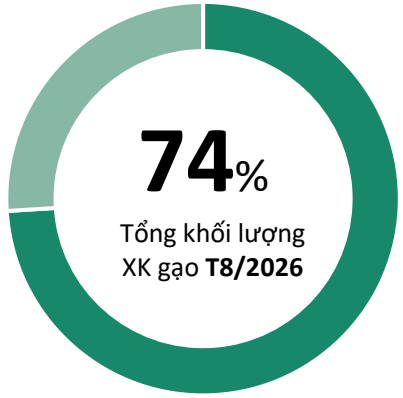
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T8/2026



TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T8/2026



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T8/2026



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

LÚA GẠO

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG LÚA GẠO TRUNG QUỐC



Thị trường gạo Japonica của Trung Quốc tương đối ổn định trong tháng 9/2026 khi nguồn cung từ các kho dự trữ tiếp tục được đưa ra thị trường và vụ mới tại khu vực Đông Bắc chuẩn bị thu hoạch. Tính đến đầu tháng 9, giá thu mua lúa Japonica hạt tròn loại 3 tại Giai Mộc Tư, Hắc Long Giang ở mức 2.740 CNY/tấn (khoảng 408 USD/tấn); tại Trường Xuân, Cát Lâm đạt 3.100 CNY/tấn (462 USD/tấn) và tại Bàn Cẩm, Liêu Ninh đạt 2.990 CNY/tấn (446 USD/tấn), hầu như không thay đổi so với tuần trước. Đến ngày 15/09, giá lúa Japonica hạt tròn vụ cũ giao đến các nhà máy tại Đường Sơn duy trì ở mức 2.760–2.800 CNY/tấn (411–417 USD/tấn).

Hoạt động bán lúa dự trữ tiếp tục bổ sung nguồn cung cho thị trường. Ngày 15/09, Trung tâm Giao dịch Lương thực Quốc gia chào bán 600.000 tấn lúa thuộc chương trình giá thu mua tối thiểu, nhưng chỉ 13.000 tấn được giao dịch thành công, tương đương tỷ lệ 2,19%; giá giao dịch bình quân đạt 2.962 CNY/tấn (khoảng 442 USD/tấn). Trong khi đó, điều kiện thời tiết tại Đông Bắc nhìn chung thuận lợi cho quá trình chắc hạt và chín của lúa. Lúa mới sẽ lần lượt ra thị trường từ nửa cuối tháng 9, qua đó duy trì nguồn cung dồi dào cho thị trường.

Nguồn: beijing.gov.cn

TIN LIÊN QUAN

Ý kiến góp ý, xin vui lòng gửi đến:

TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN CHIẾN LƯỢC, CHÍNH SÁCH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: *Số 16 Thụy Khuê, P.Tây Hồ, Hà Nội*

Email: ***thongtinthitruong@ipsard.gov.vn***; ***info@agro.gov.vn***

Website: ***http://agro.gov.vn/***

Xem thêm báo cáo